

Cao Đài và Tam Giáo

Chơn Lý Tam Giáo qua Tam Kỳ Phổ Độ

Tác giả: Huệ Lương Trần Văn Quế

* * * * *

LỜI NÓI ĐẦU

Ở Á Đông trong khoảng thời gian từ năm 658 đến năm 551 trước Tây lịch ba vị Thánh Nhơn đã lần lượt xuất hiện đóng vai Giáo Chủ ba mối Đạo là : Thích giáo, Đạo giáo và Nho giáo.

Vào năm 658 trước Tây lịch Đức Thích Ca lâm phạm tại xứ Népal hay Népaul thuộc Bắc Ấn Độ. Mối Đạo của Ngài chủ trương giải khổ nhân loại.

Vào năm 604 trước Tây lịch tại Tỉnh Hồ Nam thuộc miền Hoa Nam nước Tàu, Đức Lão Tử hạ phạm mở ra mối Đạo chủ trương thoát tục siêu phạm theo con đường “Tu Thân Xử Thế”, nhưng rất lãnh đạm với cuộc đời và thích sống ẩn dật không cần tiếng tăm với đời.

Sau cùng vào năm 551 trước Tây lịch, tại làng Khúc Phụ, huyện Xương Bình, Tỉnh Sơn Đông nước Tàu, Đức Khổng Tử ra đời làm sống lại mối Đạo thời cổ Trung Hoa mệnh danh là Nho giáo. Nho giáo chủ trương Nhập Thế và trái lại, đặt nhẹ vấn đề xuất thế, nhìn đời với con mắt lạc quan chứ không phải với con mắt bi quan, tôn trọng sự sống vì đó là sự thị hiện đức háo sanh của Trời và tìm sự an lạc trong sự làm tròn phận sự con người tại thế.

Xem như thế thì chúng ta thấy rằng ba giáo nói trên khác nhau về Hình nhi thượng cũng như về Hình nhi hạ. Sự khác biệt ấy chẳng qua là hậu quả của khí hậu và phong tục, tập quán của mỗi địa phương, nơi mà ba giáo đã chào đời.

Ngay khi Tam Vị Thánh Nhân còn tại tiền và cả ngàn năm sau khi các Ngài đã khuất bóng, ba Tôn giáo nói trên đều được coi là ba con đường riêng biệt, và các môn đồ của Khổng Giáo chủ trương nhập thế một cách thực tế đã không ngần ngại đả kích các môn đồ Phật, Lão, mà họ cho là hạng người yếm thế, ảo tưởng, có hại cho nhân quần xã hội (xem quyển Sãi Vãi của cụ Nguyễn Cư Trinh).

Mãi đến thời Tam Quốc và từ đó trở đi, bắt đầu mới có các triết thuyết đã mạnh bạo nêu lên thuyết Tam Giáo Đồng Nguyên, hầu làm hạ xuống, nếu không nói là mất hẳn “Phong trào bài xích Lão, Phật” chi đề của các Nho gia.

Đến thế kỷ thứ 15 có Đạo gia Ngô Chi Hạc (Hou Tché Ho), người Tàu, đề xướng lên Đạo Tam Thanh chuyên thờ Ba Vị Giáo Chủ Tam Giáo là: Đức Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử.

Ở nước ta, dưới triều Nhà Lý (1010- 1225) và dưới Triều Nhà Trần (1225-1400) tư tưởng Tam Giáo Đồng Nguyên đã được phổ cập khắp trong nước. Ngay tại Triều đình các Vua Nhà Lý cũng như ba Vua đầu Nhà Trần đều trọng vọng Đại diện Ba Giáo. Họ được Nhà Vua ban cho chức Quan (Phật quan, Lão quan) và được Vua coi như Quốc sư nơi chốn Triều đình.

Tuy là tình trạng giữa Ba Giáo không căng thẳng như trước, nhưng không có Đạo sĩ, Triết gia nào dám đề xướng lên sự tổng hợp các nguyên tắc căn bản của Ba Giáo. Phải đợi gần năm thế kỷ sau nữa mới có sự tổng hợp ấy (năm 1926) .

Thì đây, vào năm 1926, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam phương đã dùng Thần cơ, diệu bút lập nên một Tôn giáo mới mệnh danh là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với hai Tiêu ngữ: “Tam giáo qui nguyên - Ngũ chi phục nhứt “.

Có người hỏi: “Tại Á Đông này, trên hai ngàn năm nay đã có ba Giáo là Nho, Thích, Lão khuyến dân qui thiện. Ngày hôm nay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời lại cũng chủ trương hướng dân qui thiện. Phải chăng đó là một việc thừa ?

Xin thưa: “Sự thật không phải thế ! Hướng dân qui thiện không phải là mục đích duy nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngoài nó ra còn nhiều mục tiêu nữa rất cần thiết cho nhân loại ngày mai nói chung và cho dân tộc Việt Nam nói riêng.

Đối với dân tộc Việt, trên mảnh đất chữ S này, nó là sự hồi sinh của tư tưởng Tam Giáo Đồng Nguyên dưới hai Triều Lý Trần. Nó lại còn đi xa hơn nữa bằng cách tổng hợp các nguyên tắc căn bản của Ba Tôn Giáo nói trên về Hình Nhi Thượng cũng như Hình Nhi Hạ để lập thành một hệ thống chắc chẽ hợp lý đi từ giai đoạn “Nhập Thế” đến giai đoạn “Xuất Thế “của một cá nhân một cách liên tục và tuần tự nhi tiến.

Dân Việt ngày nay có được một Tôn Giáo hoàn toàn Việt, phát xuất tại đất Việt, để nhờ đó không tủi hổ với người trong trong buổi “Hoà tấu Tinh Thần” sắp tới trên hoàn cầu. Đối với trào lưu Đại Đồng Tôn Giáo tương lai, nó sẽ là một trong số các thành phần cấu tạo có trách nhiệm phổ cập tư tưởng trong vùng Nam Á này.

Thật là một cuộc cách mạng vĩ đại về phương diện tinh thần mà chỉ có Trời mới dám làm và làm được. Lẽ dễ hiểu là Tam Giáo tại Á Đông cũng như muôn ngàn Tôn Giáo khác trên hoàn cầu, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đã bắt nguồn từ ở nơi Ngài.

Chính Ngài đã cho thị hiện “Nhứt Bản Tán Vạn Thù” thì ngày nay, ngày giờ đến, Ngài sẽ hạ lệnh “Vạn Thù Qui Nhứt Bản”, nghĩa là, về phương diện tinh thần Vạn Giáo sẽ nhìn nhận đều cùng một gốc mà sinh ra và sẽ chấm dứt sự chống đối và thù nghịch giữa nhau để cùng tạo Hòa bình cho thế giới.

Cũng cần nêu lên điểm này: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là sự tổng hợp các nguyên tắc căn bản của Nho Thích Đạo. Câu ấy không có nghĩa là: Nền Tân Tôn Giáo chỉ là sự vay mượn suông các nguyên tắc căn bản của Tam Giáo, trái lại, ngoài phần tổng hợp nói trên, nó có phần hoàn toàn mới của nó.

Mọi sự nghiên cứu kỹ lưỡng sẽ cho thấy đặc điểm ấy của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
Sọan giả căn khảo,

Huệ Lương

ĐỀ TÀI

Chơn Lý Đạo Khổng qua Tam Kỳ Phổ Độ

Dàn bài tóm lược :

I- Định nghĩa đề tài.

II- Tiểu sử Đức Khổng Tử và giá trị Đạo Khổng.

III- Chơn lý Đạo Khổng gồm những gì ?

IV- Sự liên hệ giữa Khổng giáo và Tam Kỳ Phổ Độ.

Các bài Thánh giáo nói về việc này từ khi khai Tam Kỳ Phổ Độ đến nay.

V- Chơn lý Đạo Khổng qua Tam Kỳ Phổ Độ hay là: Sự áp dụng Đạo Khổng trong Tam Kỳ Phổ Độ được thị hiện bằng cách nào?

A- Hình Nhi Hạ Học

B- Hình Nhi Thượng Học

VI- Kết luận.

CHƠN LÝ ĐẠO KHỔNG QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

I- ĐỊNH NGHĨA: CHƠN LÝ ĐẠO KHỔNG QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Chơn: Cũng đọc là Chân và có nghĩa là: thực (thật), không giả dối, có thực, không phải hư ảo, ảo chất.

Lý: Lễ

Chơn Lý Đạo Khổng: có nghĩa là Bản chất có thực của Đạo Khổng.

Chơn Lý Đạo Khổng qua Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Bản chất của Đạo Khổng được áp dụng cho Tam Kỳ Phổ Độ (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) như thế nào về hai phương diện: Hình Nhi Hạ và Hình Nhi Thượng.

II- TIỂU SỬ ĐỨC KHÔNG TỬ:

A- Thân thế: Đức Khổng Tử sinh nhằm ngày Canh Tý, tháng 11 đời Vua Linh-Vương nhà Châu (độ vào năm 551 trước Kỷ Nguyên Tây lịch) tại làng Xương Bình, Huyện Khúc Phụ, Tỉnh Sơn Đông (Trung Hoa) .

B- Ngài dòng dõi của Vi Tử Diễn (Vi Trọng) nhà Thương. Vi Tử Diễn xuống đến Ngài có 14 đời. Vi Tử Diễn lại là con giữa của Vua Đế Ất nhà Thương (trị vì từ

năm 1766 đến năm 1154 trước Tây lịch). Người con lớn của Vua Đế Ất là Vi Tử Khải và người con út là Ân Thọ hay là Vua Trụ.

Vi Tử Khải truyền đến Khổng Phụ Gia (Tổ thứ sáu của Đức Khổng Tử) thì chi tộc của Đức Khổng Tử được nhà Vua ban cho họ Khổng. Khổng Phụ Gia bị giết. Con là Khổng Phòng Thúc, trước ở nước Tống (nay là Tỉnh Hà Nam), sau chạy sang nước Lỗ (Tỉnh Sơn Đông ngày nay). Vậy nước Lỗ chính là quê hương của Đức Khổng Tử vậy.

Thân phụ của Ngài là Khổng Thúc Lương cũng được gọi là Thúc Lương Hột, làm quan Đại Phu tại Ấp Trâu, làng Xương Bình.

Vợ chánh của ông Thúc Lương Hột là bà Thi Thị sanh ra được 9 người con gái. Người vợ lẽ của ông ấy lại sanh được một người con trai tên là Mạnh Bì có tật què chân.

Đến lúc gần già ông Thúc Lương Hột mới lấy bà Nhan Thị là người hiền đức. bà Nhan Thị sợ chồng không trai kế tự mới lên núi Ni Khuư thành tâm cầu tự. Về đến nhà thì bà thụ thai Đức Khổng Tử.

Một bữa kia bà Nhan Thị thấy một con thú lạ giống như con bò con (con bò mộng) mà có sừng, mình có vảy Rồng. Con thú này ngó bà rồi quì xuống nhả ra một cây thước bằng ngọc, trên có đề mấy chữ : Thủy tinh chi tử, kê suy Châu nhi, nhi vi Tố Vương”. Câu ấy có nghĩa là: Con của vì sao Thủy Tinh nối truyền cho Nhà Châu đã suy mà làm Vua không có ngôi. Có chỗ lại cho rằng Đức Khổng Tử vốn là vì sao Thủy Tinh Tử giáng phàm.

Bà Nhan Thị thấy con thú lạ nói trên nhưng què hết một chân, bà lấy chỉ tơ điều cột sừng, giữ nó lại và chạy đi cho ông Thúc Lương Hột hay. Ông nói rằng:” Đó là con kỳ lân”. Hai đêm sau con kỳ lân sút dây đi mất.

Sau 11 tháng mang thai, bà Nhan Thị sanh ra Đức Khổng Tử. Khi sanh ra Ngài thì trên nhà có ba con rồng bay đến bao quanh và sau đó có năm ông lão đến viếng. Bởi thế trong bài Kinh Xưng Tụng Đức Khổng Tử có câu: “Tam long nhiều thiết, ngọc thư phù, Ngũ Lão giáng đình v,v..”

Khi sanh ra Đức Khổng Tử có hình dạng khác thường: Giữa đỉnh đầu của Ngài lõm xuống mà chung quanh thì nổi lên cao như hình núi Ni Khuư. Vì thế mà song thân của Ngài mới đặt tên Ngài là Khuư (có chỗ gọi là Khâu), tự là Trọng Ni.

Ngài có nhiều tướng lạ khác như: môi như môi trâu, bàn tay như bàn tay cọp, bộ vai như vai chim Yến, xương sống như xương sống con rùa. Ngài có tướng Ngũ Lộ: mắt lớn, hàm lộ, răng lộ, tai to, mũi rộng v..v...

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, thân phụ của Ngài mất. Ngài nhờ mẹ là bà Nhan Thị nuôi nấng và dạy dỗ nên người.

Khi Ngài được 19 tuổi thì Ngài mới cưới bà Kiên Quan, người nước Tống về làm vợ. Bà Kiên Quan sanh đặng một đứa con trai đặt tên là Lý Tư là Bá Ngự là vì lúc bà sanh thì Đức Khổng Tử được Vua ban cho một con cá Lý, cho nên Ngài mới lấy tên cá Lý mà đặt tên cho con.

Sau Bá Ngự có sanh đặng một người con trai đặt tên là Cấp (Khổng Cấp) tự là Tử Tư. Đức Khổng Tử có ra làm quan cho nước Lỗ. Nhưng vì thấy Lỗ Hâu đả đắm say tửu sắc, bỏ phế việc triều đình cho nên Ngài mới từ quan, bỏ nước Lỗ mà đi châu lưu các nước chư hầu, ước mong tìm được một minh Quân chúa Thánh Đế Ngài phò tá và nhưn đó xướng minh Thánh Đạo. Nhưng Ngài thất vọng và trở về nước Lỗ mở trường dạy học trò và san định lục Kinh. Khi Ngài viết Kinh Xuân Thu vừa xong thì có người đến báo có con lân què chân ra. Ngài lấy làm lạ tự hỏi: “Lân ra chi vậy kìa?. Một ít ngày sau lại có người cho hay rằng: “Con lân đã bị một người thợ rừng giết chết rồi!”.

Nghe vậy Ngài bèn ôm mặt mà khóc và nói: “Đường Ngu thời hề ! Lân phụng du! Kim phi thời hề! Lai hà cầu? Lân hề! Lân hề! Ngã tâm ưu! Ngã tâm ưu!”

Lời than ấy có nghĩa như sau: Đời Đường Nghiêu (Họ Đào Dường), đời Ngu Thuấn (Họ Hữu Ngu) là hai đời thái bình thịnh trị thì có con lân và chim phụng đến châu. Nay (đời Xuân Thu: Nhà Châu suy vi, trong nước rối loạn) không phải là đời thái bình, ai biểu lân ra?

Lân ôi ! Lân ôi ! Lòng ta buồn vậy ! Lòng ta buồn vậy !”. Ngài lại nói thêm rằng: “Lân xuất ất có Minh Vương (Thánh Quân) ra đời. Vì không biết thời mà ra mới phải bị người hại”. Ngài cho đó là điềm bất tường báo trước mối Đạo của Ngài đến bước cùng rồi” (Ngô Đạo cùn hỉ ! Ngô Đạo cùn hỉ!) .

Nói thế rồi Ngài khóc quá nhiều đến nỗi sưng cả hai con mắt. Thấy vậy các môn đệ bèn bắt một con bò kết tiền điếu vào cùng mình và dắt nó đến trước mặt Ngài và thưa rằng: “Thưa Thầy, con lân nó đã sống lại rồi đây này! “Nghe vậy, Ngài bèn mở mắt ra xem và thất vọng. Ngài than rằng: “Ôi ! nó là con bò, kết tiền nhiều gọi là lân”.

Trong một bài Thánh ngôn xưa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có câu:

“Bò vàng kết điếu làm lân,
Dở dang sư tử, phân vân phụng hoàng”
là vậy.

Câu truyện nói trên được người đời sau ghi lại với nhan đề là: “Khổng Tử khóc lân”. Từ ngày đó trở đi, sức khoẻ Đức Khổng Tử kém dần cho đến khi Ngài qui vị.

Đời Vua Ai Công nước Lỗ, ngày Kỷ Sửu, tháng tư năm thứ 16, sau khi ngộ bệnh bảy ngày Đức Khổng Tử qui Thiên thọ được 73 tuổi.

B- Đức tánh:

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, Ngài hay hiệp lại với các trẻ con khác bày ra những đồ vật cúng tế (sách gọi là trở đậu)-. Như vậy Ngài đã sớm thiên về việc lễ bái ngay khi còn thơ ấu.

Lớn lên Ngài có bốn thân đến đến viếng Nhà Minh Đường do ông Châu Công (Chú Vua Võ Vương nhà Châu) lập ra tại cố đô Lạc Dương để chứa những luật lệ và bửu vật cùng các hình tượng của các Thánh hiền đời trước. Nơi đây, Đức Khổng Tử khảo cứu chế độ miếu đường, những lễ tế giao, tế xã. Sử chép rằng: Khi được 34 tuổi Ngài có đến hỏi Lễ với Đức Lão Tử và hỏi Nhạc với ông Trình Hoàng. Tính Ngài rất hiếu học và không mắc cỡ học với kẻ khác ngang hàng hay dưới mình.

Về sự học hành thì Đức Khổng Tử có cho biết rằng: “Ta từ 15 tuổi đã có chí lo học, qua 30 tuổi mới biết rõ Lễ. Đến 40 tuổi thì hết mẽ lần...”Ngài lại nói: Ta không phải là người sanh ra đã biết, mà chỉ là người ưa Đạo của Thánh hiền đời xưa, rồi cố sức mà học lấy cho được”. Vậy nhờ sự tu học của mình mà Đức Khổng Tử đã trở nên một bậc học rộng tài cao.

Về cách dạy người thì Đức Khổng Tử rất chăm học và không bao giờ biết mỏi. Ai có hỏi điều chi thì Ngài chỉ bảo đến nơi đến chốn theo sức hiểu biết của Ngài.

Việc ăn ở của Ngài rất là cẩn thận, rất đúng phép. Một miếng thịt cắt không vuông thì Ngài không ăn; chiếu trải không ngay ngắn thì Ngài không ngồi v,v... Nem, rượu mua ngoài chợ thì Ngài không dùng. Cách Ngài đi đứng rất là đoan chánh nghiêm trang. Khi giao thiệp với hương đảng, Ngài tỏ ra thật thà, ít nói. Ở chốn triều đình, Ngài hay biện bạch, nhưng rất kính cẩn.

Khi dự vào các việc tế tự thì trước đó Ngài giữ thân tâm cho được tinh khiết, thành kính để giao cảm với Thần minh.

Nhà nghèo, Ngài ăn uống đạm bạc, thô sơ. Lúc nào Ngài cũng vui tươi theo đạo lý. Phú quý không phải nghĩa thì Ngài coi như phù vân (mây nổi).

Đức Khổng Tử rất nhân hậu và thường chia sẻ những nỗi khổ đau của những người quanh mình. Ngài ăn không no và trọn ngày không đàn, hát khi bên cạnh nhà Ngài có người chết.

Bình sanh lúc nào Đức Khổng Tử cũng lo việc sửa mình cho ngay chánh. Ngài nói: “Đức của mình không sửa cho tốt, học của mình không giảng cho rõ, nghe điều nghĩa mà không làm được, nghe điều dở mà không bỏ được là những cái mà ta rất lo vậy!”.

C- Công nghiệp.

Khi Đức Khổng Tử được 20 tuổi, Ngài được cử làm chức Ủy Lại trông coi sự đong lúa trong kho của chánh phủ. Sau Ngài được cử giữ chức Tư Chúc Lại trông coi việc nuôi bò, dê, dùng vào việc cúng tế (như lễ Tế Giao chẳng hạn) .

Năm Ngài được 22 tuổi thì mở trường dạy học tại làng Khuyết Lý, nơi sanh trưởng của Ngài.

Năm Ngài được 36 tuổi, nước Lỗ có loạn, Ngài phải chạy sang nước Tề. Vua Tề vời Ngài vào để hỏi việc chánh trị. Ngài trả lời rất vừa ý Tề Hầu. Tề Hầu toan dùng Ngài làm quan thì có quan Đại Phu Yến Anh ngăn trở. Thấy thế, Ngài bèn từ giả nước Tề trở về nước Lỗ và tiếp tục mở trường dạy học trò. Đồng thời, Ngài cũng dụng công suy nghĩ cho tương tận về mối Đạo của các Thánh hiền đời trước.

Khi Đức Khổng Tử được trên 50 tuổi thì Vua nước Lỗ triệu Ngài ra và phong cho Ngài chức Trung Đô Tế (chức Kinh Thành Phủ Bản: chức Đô Trưởng ngày nay). Trong thời hạn một năm, bốn phương đều bắt chước cách cai trị của Ngài. Vua Lỗ bèn phong cho Ngài chức Tư Không (Công Bộ Thượng Thơ) rồi thăng Ngài lên chức Đại Tư Khấu (Hình Bộ Thượng Thơ bây giờ) .

Giữ chức vụ này trong 4 năm, Đức Khổng Tử bèn nhân cơ hội đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ; lập ra phép tắc, định rõ những nghi tiết trong việc tống táng người chết.

Sau bốn năm ở chức Đại Tư Khấu, Ngài được Lỗ Hầu cất lên làm Tướng Quốc (Tể Tướng: Thủ Tướng ngày nay) , quyền nhiếp chính trị trong nước. Ngài bèn trị tội một tên gian thần là Thiệu Chính Mão, phạt tên ấy phải án tử hình. Ba tháng sau khi chấp chánh, nước Lỗ có vẻ thanh trị. Thấy thế, nước Tề lo sợ bèn dùng mưu phản gián bằng cách đem dâng cho Vua Lỗ một ban nữ nhạc gồm toàn là gái đẹp múa hát rất giỏi. Vua Lỗ say mê ban nữ nhạc ấy đến nỗi ba ngày không lâm triều thính chính.

Biết không thể làm gì được, Đức Khổng Tử bèn từ chức và sang nước Vệ.

Nước Vệ không dùng Ngài, Ngài bèn lần lượt đi châu du khắp các nước như nước Tống, nước Trần, nước Tần, nước Thái, nước Diệp, nước Sở vv... Các nước này cũng không dùng Ngài vì học thuyết của Ngài căn cứ vào luân thường đạo nghĩa, không hợp với chính sách “bá đạo” của các nước chư hầu là: Nước lớn ỷ mạnh dùng võ lực thôn tính nước nhỏ, dùng mưu trí mà đối xử với nhau chớ không chuộng đạo đức nhân nghĩa. Thấy thế, Ngài bèn trở về nước Lỗ sau mười bốn năm châu lưu khắp Chư quốc.

Lúc ấy Ngài đang 68 tuổi, Ngài về ở ẩn một nơi chuyên lo sắp đặt lại cho có hệ thống mạch lạc các Kinh như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Nhạc và giải nghĩa Kinh Dịch (hay Kinh Diệt).

Cùng lúc ấy, Ngày viết Kinh Xuân Thu, ngụ ý bao biếm người hay kẻ dở, người trung, kẻ nịnh của thời ấy (Thời Xuân Thu Chiến Quốc).

Đức Khổng Tử dạy học trò có đến 3.000 người, trong số có 72 vị tinh thông lục nghệ là: Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số được đời sau gọi là Thất Thập Nhị Hiền.

Sau khi Đức Khổng Tử mất thì các môn đệ của Ngài đều có mặt khắp các nước chư hầu hoặc với tư cách là Quan Đại Phu tại các triều đại hoặc với tư cách là cao đệ của Khổng môn, chuyên việc Xương minh Thánh Đạo.

Bậc cao đệ mà đời sau liệt vào hàng Tứ Phối gồm có:

- 1)- Thầy Nhan Hôi hay Nhan Uyên (mất sớm hồi 30 tuổi).
- 2)- Thầy Tăng Tử hay Tăng Sâm soạn giả quyển Đại học và kém hơn Đức Khổng Tử ít tuổi mà thôi.
- 3)- Thầy Tử Tư hay là Khổng Cấp, cháu nội Đức Khổng Tử và lại là môn đệ của Thầy Tăng Tử. Thầy Tử Tư là tác giả quyển Trung Dung.
- 4)- Thầy Mạnh Tử hay Mạnh Kha sanh 100 năm sau Đức Khổng Tử, là môn đệ của Thầy Tử Tư. Thầy Mạnh Tử là tác giả quyển “Mạnh Tử”.

D- Tôn chỉ của Khổng giáo.

Đức Khổng Tử dạy Đạo Luân Thường, nghĩa là Đạo Ngũ Luân và Ngũ Thường.
Ngũ Luân là : năm giềng mối trong gia đình và xã hội như: Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em , bạn bè.

Ngũ Thường là: năm đức tính hằng tại ở trong con người là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.
Đạo Luân Thường lấy phép chấp trung làm nền tảng (chữ Trung sẽ nói ở đoạn giải về danh từ Trung Dung).

Đạo Luân Thường ra đời từ Tam Hoàng là Phục Hi, Thần Nông, Huỳnh Đế và từ Ngũ Đế là Nghiêu, Thuấn, Hạ Vũ, Thành Thang, Vua Văn, Vua Võ nhà Châu. Tam Hoàng và Ngũ Đế đều lấy Đạo này mà truyền thụ cho nhau.

D- Công dụng của Khổng giáo.

Khổng giáo phát khởi ở Trung Hoa rồi truyền sang Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam. Đã trên hai nghìn năm, mỗi Đạo ấy đã làm trụ cốt bất di bất dịch cho nền văn minh các nước ấy. Trong thời gian trên hai nghìn năm ấy nhiều cuộc thăng trầm đã xảy ra cho các dân tộc nói trên. Nhưng sau các cuộc biến đổi ấy, ở nước ta cũng như ở nước Tàu, nước Nhật và nước Triều Tiên. Nho phong và sĩ khí lại phát triển mạnh để ngăn chặn mọi sự sụp đổ hoàn toàn của tinh thần dân tộc. Nhờ vậy mà nước ta cũng như ở các nước nói trên, cuộc suy đồi nếu có, thì cũng không khi nào quay lại thời kỳ man rợ, ăn lông ở lỗ mất hết luân thường đạo nghĩa được.

Cái công dụng lớn lao của Đạo Khổng đối với các dân tộc Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam ta là ở chỗ đó.

E- Khổng giáo là một Tôn giáo.

Các học giả Tây phương thường cho Khổng giáo hay Nho giáo là một học thuyết hay, nói cho đúng hơn, là một nền luân lý thực hành (Morale pratique) chứ không phải là một Tôn giáo như Thích giáo, Lão giáo, Christo giáo vv... là vì Khổng giáo không có Đền, Chùa, Miếu Mạo, Thánh đường, không có các cuộc lễ bái hằng ngày, các Kinh nhật tụng và lại cũng không có ngạch giáo sĩ hay chức sắc để chứng lễ qui y thế phát, cầu sây, cầu sám cùng rửa tội nhập môn chi cả. Hơn thế nữa, Khổng giáo ít bàn đến các vấn đề siêu hình, sống, chết, Thiên đàng, Địa ngục vv..

Nhưng, để phản đối lại sự phê bình hấp tấp ấy, các Nho gia thuần túy cho rằng: Khổng giáo là một Tôn giáo không hơn không kém. Mục đích của Tôn giáo này là : dạy mỗi cá nhân cái Đạo làm người, sống cho ra con người, từ trong gia đình là phạm vi nhỏ hẹp ra đến xã hội là phạm vi rộng lớn.

Về nghi tiết, lễ bái thì nó bắt nguồn trên từ lễ Tế Trời (Lễ Nam Giao), thứ đến là lễ Tế Bách Thần (Thần Xã, Thần Tắc, Thần Sơn, Thần Xuyên vv...) và lễ Tế Tổ Tiên. Về địa điểm chiêm bái thì Tôn giáo này có Giao Đàn (nên tế Giao, tế Xã), đền, Điện, Miếu, Mạo. Và các tư gia trong ấy có bàn thờ phụng Tế Tiên.

Về chức sắc thì Khổng giáo gồm trên hết là Vua hay Hoàng Đế có nhiệm vụ tế Trời ở Giao Đàn, ba năm một lần, thứ đến là bá quan văn võ có nhiệm vụ tế Bách Thần trong các cuộc Kỳ Đào và Tế Lễ Nam Giao. Sau cùng gia trưởng trong mỗi gia đình có

nhiệm vụ thờ phụng Tổ Tiên hằng ngày và mỗi năm phải làm lễ Ky (cúng cơm) một lần.

Về Kinh Kệ thì có lời cầu nguyện, văn tế riêng cho mỗi cấp bậc tế lễ.

Về âm nhạc thì có Võ Nhạc và Văn Nhạc (Võ Nhạc: Trống lớn, chiêng, cồng, mõ, khánh. Văn nhạc gồm có: trống nhỏ, đàn, kèn, sáo, nhịp sanh, chập chĩa vv...

Về giáo lý thì các sách Tứ Thư, Ngũ Kinh tượng trưng phần lý thuyết. Khổng giáo có ảnh hưởng rất sâu xa về quốc chánh, Thế đạo, dân phong trong một nước.

Chỉ vì sự tổ chức Khổng giáo về nghi lễ hiệp làm một với sự tổ chức của gia đình và xã hội trong một nước cho nên Tôn giáo này không đứng hẳn ra ngoài để được dễ trông thấy, dễ nhận thức.

Những giáo điều của Khổng giáo ở trong gia đình thì được gọi là Gia Phong (mỹ tục của một nhà) và ngoài xã hội thì được gọi là Quốc phong (mỹ tục của một nước).

Khổng giáo cũng có hai phần như bất cứ một Tôn giáo nào là: Hình Nhi thượng học và Hình Nhi hạ học (Hai phần này sẽ giải ở đoạn sau) .

III- CHON LÝ ĐẠO KHỔNG GỒM NHỮNG GÌ?

Nói một cách khác Học thuyết của Đức Khổng Tử gồm những gì ?

Căn cứ vào các Kinh sách (Tứ Thư và Ngũ Kinh) chúng ta thấy rằng Học thuyết của Đức Khổng Tử gồm hai phần chính yếu như sau:

Hình Nhi thượng học (tiếng Pháp dịch là Partie ésotérique) tức là cái học thuộc về những lẽ vô hình rất huyền ảo, cao viển, chỉ dành riêng cho một thiểu số Cao đệ của Ngài và Hình Nhi hạ học (tiếng Pháp gọi là Partie exotérique) tức là cái học thuộc về những điều quan hệ đến đời sống hằng ngày của người đời.

A- Hình Nhi thượng học:

Phần này gồm các mục như sau:

- 1)- Quan niệm về Trời và người:
 - a)- Thái Cực và sự biến hóa của Thiên lý
 - b)- Người và sự tri giác
 - c)- Trung
- d)- Sinh
- đ)- Nhân

- e)- Thiên mệnh
 - ê)- Quỷ Thần
 - g)- Kính và Thành
 - h)- Sinh Tử
- 2)- Đạo của Đức Khổng Tử: Cái vui trong sự sinh hoạt.

B- Hình Nhi Hạ Học.

Phần Hình Nhi thượng là phần tinh thần của Khổng giáo. Nó được phát hiện ra ở phần Hình Nhi hạ. Nói một cách khác, phần Hình Nhi hạ tức là phần áp dụng của Hình Nhi thượng, nó là phần thiết thực của Nho giáo ở đời.

Hình Nhi hạ gồm những mục sau đây:

- 1 - Quân tử và tiểu nhân.
- 2- Sự học vấn và cách thao thủ của người Quân tử.
 - a)- Sự học vấn
 - b)- Tu thân
 - c)- Xử kỷ Tiếp vật
 - d)- Quan niệm
 - đ)- Bằng hữu
 - e)- Bác ái
- 3- Sự giáo hóa của Khổng giáo: Cách lập giáo của Đức Khổng Tử
 - a)- Hiếu đễ
 - b)- Lễ nhạc
- 4- Chính trị
 - a)- Quan niệm về chính trị
 - b)- Chính danh và định phận
 - c)- Tôn Quân quyền
 - d)- Thiên ý và dân tâm
 - đ)- Quân dân tương thân
 - e)- Cái thịnh đức của người Quân tử
 - ê)- Hình chánh tương tham
 - g)- Cư kính hành giản
 - h)- Thứ, phú giáo
- i)- Kính cần và thận trọng

Vì thời gian có hạn, chúng tôi chỉ xin trình bày một ít điểm chính của mỗi phần nói trên để giúp chư Quý liệt vị hiểu rõ: Vũ trụ và Nhơn sinh quan của Đạo Lão và Đạo và Đạo Phật.

* Về Hình Nhi thượng học chúng tôi xin trình bày nơi đây các mục như sau:

Về Vũ Trụ Quan: Thái Cực và sự biến hóa của Thiên lý.

Về Nhân sinh quan: Người và sự tri giác.

Vấn đề Sinh - vấn đề Tử, và sau cùng là vấn đề Quí Thân.

* Về Hình Nhi hạ học chúng tôi chỉ trình bày 3 tiểu mục là: Quân tử, Tiểu nhân.

I- Quan niệm về Trời.

Thái Cực và sự biến hóa của Thiên Lý.

Theo ý nghĩ của người đời xưa trước Đức Khổng Tử thì lúc đầu Vũ Trụ chỉ là một khối mờ mịt hỗn độn gọi là thời kỳ hỗn mang. Trong cuộc hỗn mang ấy có cái Lý Vô Hình rất linh diệu, rất cường liệt gọi là Thái Cực.

Song Thái Cực huyền bí vô cùng không thể biết được bản thể của Lý ấy là thế nào? Tuy không thể biết được rõ cái chơn tính và cái chân tướng của Lý ấy, nhưng chúng ta có thể xem sự biến hóa của vạn vật mà biết được cái động thể của Lý ấy. Cái động thể của Lý ấy phát hiện ra bởi hai cái thể khác nhau là Động và Tĩnh. Động là Dương, Tĩnh là Âm . Dương lên đến cực độ lại biến ra Âm. Âm lên đến cực độ lại biến ra Dương. hai thể ấy cứ theo liên nhau rồi tương đối, tương điều hòa với nhau để biến hóa mà sinh ra Trời Đất và Vạn vật.

Vậy khởi điểm của Tạo Hóa (Création) là do hai cái tương đối Âm và Dương và Đạo Trời Đất cũng khởi đầu bởi sự biến hóa của hai tương đối ấy. Trước hai cái tương đối ấy thì dẫu có gì cũng như không, thì không sao mà biết được? Khi hai cái tương đối ấy đã phát hiện ra thì cái gì cũng hiển nhiên, không thể nói là không có được.

Đó là cái cốt yếu của Kinh Dịch, cho nên mới có câu rằng:”Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng; Tứ Tượng sinh Bát Quái” (Dịch Hệ từ thượng) (Đạo Dịch ở Thái Cực; Thái Cực sinh ra Hai Nghi, hai Nghi sinh ra bốn Tượng, bốn Tượng sinh ra tám Quẻ)

Dịch là gì ? Dịch là biến đổi. Trong Trời Đất không có cái gì là không biến đổi luôn. Đó là quan niệm rất trọng yếu của Khổng giáo. Đức Khổng Tử tin có Lý Thái Cực độc nhất, tuyệt đối. Nhưng vì Lý ấy cao diệu quá ! không thể biết được ! cho nên học thuyết của Ngài để cái Bản thể của Lý Thái Cực ra ngoài phạm vi trí thức của người ta mà chủ lấy cái động thể của Lý ấy làm tôn chỉ. Vậy xét cái động thể của Lý Thái Cực để biết được sự biến hóa của Trời Đất và vạn vật là tôn chỉ của Dịch học.

II- Quan niệm về Người (Nhân sinh quan)

Người và sự tri giác:

Con người ta có cái địa vị rất lớn trong vạn vật. Cứ theo cái học của Nho giáo thì:” Nhân giả kỳ Thiên Địa chi đức; Âm Dương chi giao, Quỷ Thần chi hội, Ngũ hành chi khí giả” (Người là cái đức của Trời Đất, sự giao hợp của Âm Dương; Sự tụ hội của Quỷ Thần, Cái Khí Tinh Tú của Ngũ Hành” (Lễ Ký Lễ Vận IX) .

Trời Đất sinh ra Người , lại phú cho cái tính rất quý, tức là người chịu cái đức của Trời Đất. Người lại bẩm thụ được hoàn toàn cả cái tinh thần linh diệu và cái Khí chất Tinh tú, cho nên mới nói : Người là linh hơn cả vạn vật. Nhờ cái tinh thần và cái Khí chất ấy người ta mới có cái sáng suốt để hiểu biết muôn vật, biết biện phân điều phải sự quấy.

Cái sáng suốt tự nhiên có sẵn trong con người là Minh Đức hay là Lương Tri. Có thể gọi là trực giác. Hễ con người giữ được cái tâm hư tĩnh không để cho vật dục che tối mất cái sáng suốt tự nhiên, thì khi có vật gì cảm đến là ứng được và biết rõ ngay các lẽ. Tâm con người mà tĩnh bao nhiêu thì cái trực giác lại càng mẫn nhuệ bấy nhiêu. Đến trình độ ấy thì con người được đứng vào hàng Tam Tài: Thiên - Địa - Nhơn.

III- Vấn đề Sinh trong Vũ Trụ.

Đạo Trời Đất theo cái “Trung” mà biến hóa luôn làm cho mỗi ngày một mới hơn, một tốt hơn. Đó là cái thịnh đức của Trời Đất. Có câu:”Đế đức háo sinh”.

Sự biến hóa ấy do một Âm một Dương mà sinh sinh hóa hóa ra mãi. Theo Đạo ấy mà đi là Thiện. Thành được Đạo ấy là Tịch.

Chỉ có kẻ nhân giả trông thấy cái Đạo ấy, cho nên gọi là Nhân. Kẻ trí giả trông thấy cái Đạo ấy cho nên gọi là Trí. Còn trăm họ thì tuy hằng ngày vẫn theo Đạo ấy mà vẫn mờ mịt không biết.

Đức Khổng Tử cốt lấy sự Sinh làm trọng hơn cả. Ngài cho sự Sinh của vạn vật là theo lẽ tự nhiên. Trong vũ trụ chỗ nào cũng thấy đầy đủ những Sinh Lý và Xuân khí thì biết cái đức của Trời lớn rộng là dường nào!

Trong Hệ Từ hạ có câu: “Thiên Địa chi, đại đức viết sinh” (Đức lớn của Trời Đất là sự Sinh). Bốn đức của Trời là Nguyên (Nguyên thuộc mùa Xuân), Hanh (thuộc mùa Hạ). Lợi (thuộc mùa Thu), Trinh (thuộc mùa Đông) .

Do cái quan niệm rất trọng yếu của Khổng giáo về sự Sinh mà Tôn giáo này khác hẳn với Đạo Phật và Đạo Lão.

Theo Đạo Phật, sự sống là một cảnh khổ cho nên phải tìm cách giải thoát và cầu lấy sự “bất sinh”.

Lão giáo thì cần lấy sự “vô vi tĩnh mịch” không thích gì đến sự đời.

IV- Sự Sinh Tử của con người.

Về sự sinh tử của con người thì Đức Khổng Tử cũng tin tưởng như mọi người đương thời bấy giờ. Ngài nói rằng: “Nhân sinh hữu khí, hữu hồn, hữu phách. Khí, hồn, phách hội vi chi sinh”.

(Người sinh ra có khí, có hồn, có phách. Khí, hồn, phách hội lại gọi là Sinh) (Khổng Tử Gia Ngữ - Ai Công vấn chính XVII) .

Người ta ở đời có mạng, có tánh, có sống, có chết. (Trong sách Khổng Tử Gia Ngữ về thiên Bản Mệnh Giai XXVI Đức Khổng Tử nói rằng: “Phân ư đạo, vị chi mệnh, hình ư nhất chi tính, hóa ư âm dương tương Hình Nhi phát vi chi sinh, hóa cùng số vị chi tử số mệnh giả tính chi tử giả, tử giả sinh chi chung giả, hữu tử tắc hữu chung”. (Chia một phần ở trong đạo tự nhiên của Trời Đất ra gọi là Mệnh, rõ hình ra cái Lý nhất quán, ai cũng như ai, gọi là Tính; biến hóa ở Âm Dương mà thành ra, có tượng, có hình gọi là Sinh, hóa đến cùng, số hết, gọi là Tử. Cho nên Mệnh là cái bắt đầu của Tính. Tử là cái cuối cùng của Sinh; Có cái bắt đầu thì ắt có cái cuối cùng”).

Chết rồi thì hài cốt chôn xuống đất đều tan nát đi, còn cái Tinh anh thì lên trên khoảng không gian sáng rõ rực rỡ. Bởi thế mới có câu: “Tam hậu tại Thiên” (Ba Vua ở trên Trời).

V- Quỷ Thần.

Đức Khổng Tử tin có Trời, có Thiên mệnh, tin có Quỷ Thần.

Theo Ngài, Quỷ Thần là cái Khí thiêng liêng ở trong Trời Đất, tuy mắt ta không trông thấy, tai ta không nghe nhưng vẫn thấy được cả muôn vật, không sót vật nào, đâu đâu cũng hình như ở trên đầu ta, ở bên tả bên hữu ta. Bởi vậy, Ngài khuyên: “Tế Thần như Thần tại” (Tế Thần thì là lấy có Thần ở đó). Nhưng để tránh sự cầu phúc vô lối, xu nịnh Thần quyền, Ngài nói như sau: “Hoạch tội ư Thiên vô sở đảo giả” (Phải tội với Trời còn cầu nguyện vào đâu được?)

Ngài cũng khuyên: “Kính Quỷ Thần nhi viễn chi” (Kính trọng Quỷ Thần, nên xa lánh, không nên gần).

VI- Quan niệm người Quân tử theo Đạo Nho.

1)- Ý nghĩa chữ Nho .

Chữ Nho hay là Nhu gồm có hai phần là: Chữ Nhân đứng bên tả, có nghĩa là người hoạt động, tranh đấu và chữ Nhu bên hữu có nghĩa là cần dùng. Toàn chữ Nho có nghĩa là người rất cần dùng cho xã hội. Nói một cách khác, Nho là người có bốn phận lãnh đạo, hướng dẫn xã hội, nhất là về phương diện đạo đức.

Vì lẽ đó mà người theo Đạo Nho, sau khi đã học thành tài rồi thì phải đem sở học của mình ra mà hướng dẫn xã hội. Bởi thế, nếu gặp thời thì Nho gia phải xuất chính (ra làm quan). Sau khi đã làm quan xong, đến tuổi cao lão hồi hưu gọi là trí sĩ qui điền thì lại mở trường dạy học để hướng dẫn con em trong lân ấp. Bởi thế mới có câu: “Tiên vi quan, thoái vi sư” là vậy.

Khi không gặp thời, nhà Nho ở ẩn, gọi là xử sĩ. Bởi thế mới có câu: “Đắc chi dữ dân do chi, bất đắc chí thân kỳ độc dã”.

Nói tóm lại, bất cứ trong trường hợp nào, nhà Nho phải là gương mẫu cho dân chúng noi theo.

2)- Ý nghĩa Quân tử.

Từ ngữ Quân tử theo nghĩa đen là: Con Vua, Thực thế! Ngày xưa, trước thời Đức Khổng Tử những nhà Nho đóng vai lãnh đạo quốc dân là những con Vua cháu Chúa. Nói một cách khác, các bậc này thuộc hàng quý phái có đủ phương tiện để học Đạo Thánh hiền đến nơi đến chốn. Các bậc ấy phải là người gương mẫu về tài năng cũng như về đức hạnh.

Nhưng đến đời Đức Khổng Tử thì từ ngữ Quân tử nghĩa là người gương mẫu về tài đức, về hai mặt văn và chất không còn dành riêng cho hàng quý phái nữa, mà trái lại được áp dụng cho người thường dân hội đủ hai điều kiện nói trên.

Cũng nên nói rằng: Vào thời Xuân Thu rồi đến Chiến Quốc, các hàng Vua, Chúa, Công hầu, Khanh tướng đại đa số không còn được quốc dân mến phục về tài đức nữa và cũng vì vậy mà Đức Khổng Tử đã soạn ra Kinh Xuân Thu để dùng lối bao biếm mà khen người hiền và chê kẻ dữ.

Muốn có ý niệm về người Quân tử thì Đức Khổng Tử thường dùng lối phê bình bằng cách so sánh người hiền là Quân tử với kẻ bất lương là kẻ tiểu nhân. Trước thời Đức Khổng Tử danh từ đối lập của Quân tử là tiểu nhân được dùng để ám chỉ kẻ cùng đing hạ tiện, thiếu học, chuyên việc phục vụ các bậc quyền quý. Từ đời Đức Khổng Tử về sau từ ngữ tiểu nhân ám chỉ con người trí óc xấu xa, hẹp hòi, bần tiện, quanh năm chỉ chực làm ác.

Đây: Sự phê bình hai hạng người nói trên bằng lối so sánh ấy của Đức Khổng Tử được lần lượt diễn ra như sau:

1)- Quân tử chu nhi bất tỷ; tiểu nhân tỷ nhi bất chu. (Người Quân tử thì giao thiệp rộng rãi với mọi người Chu: hay là Châu: vây quanh, bao trùm, đến nơi đến chốn). Kẻ tiểu nhân thì giao thiệp với kẻ gian ác và gần mình, trong phạm vi hẹp hòi mà không rộng rãi.

2)- Quân tử hoài đức, tiểu nhân hoài thổ; Quân tử hoài hình, tiểu nhân hoài huệ.

Hoài: thường để lòng vào một việc gì mà không bao giờ quên.

Thổ: chỗ đứng, lập trường trong xã hội, ngôi vị.

Hình: có nghĩa là điển hình, kiểu mẫu chớ không phải hình luật.

Huệ: Lợi lộc, ân thưởng.

Thích Nôm:

a)- Người Quân tử để lòng vào đạo đức mà không khi nào quên; kẻ tiểu nhân thì để lòng vào địa vị, ngôi thứ và không khi nào quên.

b)- Người Quân tử luôn luôn để lòng vào người điển hình, gương mẫu; kẻ tiểu nhân thì luôn luôn để lòng vào lợi lộc, ân thưởng mà thôi.

3)- Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi.

Dụ: Rõ ràng. Ví dụ: Trong con mắt và bộ óc chỉ có ý nghĩ rõ ràng điều ấy mà thôi.

Thích Nôm:

Người Quân tử trong tầm con mắt và bộ óc chỉ có nghĩ rõ ràng về điều nghĩa mà thôi; kẻ tiểu nhân mắt chỉ thấy và bộ óc chỉ nghĩ đến điều lợi mà thôi.

4)- Quân tử thẳng đàng đặng, tiểu nhân trướng thích thích.

Thích Nôm:

Người Quân tử trong lòng thư thái luôn luôn là vì người Quân tử đầy đạo đức, ở trong tâm chỉ biết thuận lẽ Trời, thờ chân lý mà những việc cùng, thông, đắc, tản thuộc về đường đời, mùi tục, người Quân tử chẳng đặt vào lòng. Vì vậy mà người Quân tử ngửa lên không thẹn với Trời, cúi xuống không thẹn với Đất, mà ở trong lòng thì cứ vui luôn (Quân tử thẳng đàng đặng).

Trái lại, kẻ tiểu nhân trong lòng lo sợ luôn luôn, bởi vì họ chỉ say với mùi đời mà thường lo mất phần ăn, hỏng nước bước, cho nên bứt rứt, bực bội luôn (trường thích thích).

5)- Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác ; tiểu nhân phản thị.

Thích Nôm:

Người Quân tử thường xem người cũng như mình, thấy việc tốt của người nghĩ cũng như việc tốt của mình, nên hết sức tán thành cho người nên điều tốt; thấy việc xấu của người, nghĩ cũng như việc xấu của mình mà không muốn người mắc lấy tiếng xấu, nên hết sức ngăn đón không để cho người ta nên việc xấu.

Còn kẻ tiểu nhân thì ngược lại vì tính tình hẹp hòi, ác độc, xấu xa.

6)- Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa.

Hòa: Tính thỏa hợp với nhau mà không tranh giành hơn thua nhau ở chỗ đợc, thua, hơn, kém.

Đồng: Kết phe, lập phái để rủ nhau đi vào một con đường chỉ có lợi cho đoàn thể mình.

Thích Nôm:

Trong sự mưu đồ ích lợi chung, người Quân tử hòa thuận với mọi người mà không có óc bè phái, đồng đảng.

Kẻ tiểu nhân thì có óc bè phái, đồng đảng mà không hòa với kẻ ngoài tập thể của họ.

7)- Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt.

Thích Nôm :

Người Quân tử trong công phu học vấn không bao giờ tự túc, tự mãn mà trái lại, càng hay, càng học. Càng học, càng hay nên cứ tiến mãi không chán. Đến bậc cao minh gọi là thượng đạt.

Trái lại kẻ tiểu nhân thì họ lại quá mau tự túc, tự mãn, chưa hay mà bảo rằng hay rồi tự lùi chớ không tiến. Vì thế mà kẻ tiểu nhân hạ đạt là vậy.

8)- Quân tử cầu ư kỹ, tiểu nhân cầu ư nhân.

Thích Nôm:

Người Quân tử nếu thấy thất bại, khó khăn trong trong sự học hỏi, cầu tiến, thì chỉ trông cậy lấy mình để sửa chữa những chỗ sai. Trái lại, kẻ tiểu nhân thì trông cậy ở người ngoài vì không có óc tự tin.

9)- Quân tử hữu tam úy: Úy Thiên mệnh, úy đại nhân; úy Thanh nhân chi ngôn, Tiểu nhân bất tri Thiên mệnh, nhi bất úy giả, hiệp đại nhân, vũ Thánh nhân chi ngôn.

Thích Nôm:

Người Quân tử thời ở trong tâm lý thường có ba điều kiêng sợ luôn luôn:

a)- Kiêng sợ mệnh Trời (Kiêng sợ chánh lý của Trời).

b)- Kiêng sợ người có đạo đức lớn (chớ không phải kiêng sợ “Quan lớn”, cụ lớn)

c)- Kiêng sợ lời nói của Thánh Nhân.

Trái lại, kẻ tiểu nhân thì còn biết Mệnh Trời là gì? lại còn khinh lờn những bậc đại nhân đạo đức lớn và khi dễ lời nói của Thánh nhân.

10)- Quân tử tánh như thủy.

Thích Nôm:

Tánh người Quân tử giống như tánh của chất nước: ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

11)- Biểu hiệu của người Quân tử là cây tre.

Bởi thế mới có câu: Quân tử trước, tượng phu tông.

Cây tre đến mùa đông lạnh lẽo lá vẫn xanh, không đổi sắc, không rơi rụng, ruột thì trống rỗng, mình thì ngay thẳng.

Cây tre tượng trưng chí nhẫn nại, cương quyết, đức thanh liêm, khiết tịnh và tính trung trực của người Quân tử.

Người Quân tử cũng được gọi là “Hiền nhân” (Le sage), cũng được gọi là L’ honnête homme - The Gentleman.

Sách có câu:

“Nhân hy Hiền,
Hiền hy Thánh
Thánh hy Thiên”.

Thích Nôm:

Người thường nhân cố gắng bắt chước cho bằng được bậc Hiền. Bậc Hiền cố gắng bắt chước cho bằng bậc Thánh. Bậc Thánh cố gắng bắt chước cho bằng Trời.

12)- Người Quân tử sống trong xã hội để khỏi lầm lạc và khỏi hối hận cần có ba đức tức là: Nhân, Trí Dũng

a)- Đức Nhân đã nói rồi ở trên.

b)- Trí: là tính sáng suốt để biện phân tà chánh hầu khỏi bị người lường gạt.

c)- Dũng: Tính can đảm để cương quyết làm việc nghĩa cho đến kết quả của nó (Đạt mục đích).

IV- SỰ LIÊN HỆ GIỮA KHỔNG GIÁO VÀ TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Các bài Thánh giáo nói về việc này từ khi khai Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) đến ngày nay:

1)-Đàn Cơ ngày Dimanche 24 Octobre 1926 tại Phước Linh Tự (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Quyển Nhứt, trg. 48):

Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương:

“Đã có Thánh tượng Thầy, thì cốt Ngọc Hoàng còn để lại chẳng nghĩa chi hết. Thầy nói cho các con rõ: Vì có báo trước từ Nhứt Tổ chí Lục Tổ thì thờ Thầy ngồi trước, vì trước là lớn. Phải vậy

Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy; Thầy đã nói: Một Chơn Thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhân loại. Thầy là chư Phật. Chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật. Chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con. Có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới nên mới gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra càn Khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng.

Thầy là Phật, Chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy

Thầy lập Phật giáo vừa khai Thiên, lập Địa nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo rồi mới tới Nho giáo. Nay là Hạ Nguơn hầu mãn, phải được phục lại như buổi đầu, nên phải phản tiên vi hậu.

Tỉ như lập Tam giáo Qui Nhứt thì: Nho là trước, Lão là giữa,

Thích là chót. Nên Thầy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại Vô Vi Chi Khí, chính là Niết Bàn đó vậy !

2)-Nho giáo trong tiêu ngữ: Tam giáo qui nguyên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tiêu ngữ: Tam giáo Qui Nguyên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gồm có: Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo.

3)-Đàn cơ tại Cao Thiên Đàn (Kiên Giang) đêm 7 tháng 1 Annam Tân Vi (Thánh Giáo Chánh Truyền trang 18-19):

Thi:

Chí đức hóa thương sanh,
Thánh mô tập đại thành.
Văn chương nhi võ hiển,
Tuyên đạo định sang Kinh.
Chứng thử tam tòng giáo.
Thể trình ngũ sắc quang.
LIÊN hoa chơn thảng cảnh,
ĐÀN sĩ tánh tâm linh.

Thượng ỷ chứng Đàn cho Thể Liên Tiên Nữ.

Thi:

Thể dung hoàn toàn doãn khuyết dung.
Liên tư khiết bạch tự nhiên dung.
Tiên Thiên tạo hiệp Tam Qui Nhứt,
Nữ Khâm, Nam Ly đoạt Hóa Công.

Giải thuyết Đạo Nho:

- 1- Thánh Kinh trung hiếu làm đầu,
Dầu nam, dầu nữ phải trau trọn niêm
Trải xem sách vở cổ kim,
Ngàn Kinh muôn điển dạy kèm thảo ngay

- 2- Trời cao, biển thẳm, đất dày,
Nho gia vững đặt chẳng lay, chẳng sờn
Dạy người luân lý cang thường,
Dạy người Trung, Tín, Nghĩa, Nhân vẹn toàn
- 3- Dạy cho biết phép, biết khuôn,
Lễ nghi, đạo đức, cội nguồn dân sanh.
Trung Dung hai chữ chí thành,
Phát minh Thiên Địa lưu hành căn cơ.
- 4- Dịch Kinh chép để sờ sờ,
Hà Đồ lại với Lạc Thư rõ ràng
Thánh nhân nghiên cứu Âm Dương,
Ngũ Hành sanh, khắc, tuần huân châu nhi.
- 5- Đạo thông từ lúc Phục Hy,
Lần qua Đại Vũ đến kỳ Văn Vương.
Châu Công, Khổng Thánh tiếp nối,
Lập thành Mối cả, mở mang con người.
- 6- Từ sanh có Đất có Trời,
Có Người mới đủ sánh ngôi Tam Tài.
Âm Dương Một Lý mà Hai,
Như người một giống gái trai hai hình.
- 7- Trời thì sanh có năm Hành,
Người thì năm Đức sẵn in vào lòng.
Suy ra cho tốt cho cùng,
Thiên Nhân nhưt Lý quán thông chẳng rời.
- 8- Nghĩ rồi mới rõ Đạo Trời,
Rõ rồi nên mới bày lời dạy khuyên.
Xưa nay những bậc Thánh Hiền,
Thay Trời dạy Đạo sách biên muôn vàn.
- 9- Dạy cho khắng khít Tam cang,
Dạy cho gắn chặt Ngũ Thường Nhân Luân.
Thi, Thơ, Lễ, Nhạc, điển phần,
Hiển chương Văn Võ noi chừng Thuấn Nghiêu.
- 10-Tam Thiên Tam Bá đủ điều,
Dùng gương Tiên giác dắt dìu hậu lai.

- Dạy đời chẳng sót một bài,
Tề gia, trị quốc chẳng sai phân hào.
- 11- Nho gia rộng lớn xiết bao!
An dân, an quốc công lao muôn đời.
Những điều cư xử làm người,
Chẳng sót một lời Ngài nữ bỏ qua.
- 12- Đến phần triết học cao xa,
Sánh cùng Phật, Lão cũng là mả mai.
Kẻ sau học hỏi sơ sài,
Chia phe, chia phái, biếm bài, khen chê.
- 13- Chưa thông ý vị Trọng Ni,
Mà chê Đạo khác thuộc về dị đoan.
Chẳng dè Tam giáo Thánh nhân,
Truyền trao mối cả phải nương theo thời.
- 14- Một rằng: Phật Lão hại đời,
Chẳng dòm Khổng giáo hiếm người bơi sừ.
Đạo nào cũng tại người hư,
Đạo nào cũng giữ khư khư tánh Trời.
- 15- Bốn sơ khuyên chớ đổi đời,
“Chỉ ư chí thiện” trọn đời đừng sai.
Ngọc trong nhờ có sức mài,
Người muốn nên tài thời phải chí tâm.
- 16- Tắc vàng, tắc bóng quang âm,
Ba dư mưa chớ tưởng cầm rằng chơi.
Muốn cho đứng đờ với đời,
Nhơn hòa, Địa lợi, Thiên thời phải thông.
- 17- Muốn rành Thể, Dụng, Hóa Công,
Âm, Dương, Động, Tĩnh chấp trung điều hòa.
Mọi người mọi giữ giềng ba,
Gìn câu “Tha thiết sát-na” chớ rời.
- 18- “Nhân tâm ngay ngấm em ôi !
Gìn lòng “thân độc” giữ lời u vi,
Quan phòng hai chữ Trí tri,
Chánh tâm, thành ý, vô vi không điền.
- 19- Hi Hiền, Hi Thánh, Hi Thiên,

- Do mình trì chí tự nhiên được thành.
 Có câu Thiên Địa hiếu sanh,
 Họa dâm, phước thiện bởi mình mà ra.
- 20-Khuyên đời khá bỏ thói tà,
 Tồn Tâm, dưỡng Tánh, Ta bà hư thân !
 Khắp trong Tam giáo Thánh Nhân,
 Người Tiên, Người Phật, Thánh, Thần giống nhau.
- 21 Dạy điều ngay thẳng làm đầu,
 Làm lành, lánh dữ, trước sau một niềm..
 Bình tâm chánh nghĩ mà xem !
 Đạo, Nho, Thích, Gia thù hiểm bởi đâu ?
- 22-Chẳng qua tại kẻ làm đầu,
 Xảo ngôn dĩ tử loạn châu no mình.
 Có câu: “Thiên Địa lưu linh”,
 “Vô thình, vô xú, vô hình, vô danh”.
- 23- Mang mang Thiên Lý lưu hành,
 Vô ý, vô tất, nguơn hành, trinh, kiên.
 Trung Dung bất diệt, bất thiên,
 Quan tiền dữ hậu, dành truyền thiên thu.
- 24- Trạch dân, trí Chúa, thân tu,
 Dương danh hậu thế qui mô vô cùng !
 Thánh ngôn thiện tải kỳ phùng,
 Các em mưa chớ tấc lòng đơn sai.
 Ngày, đêm, hôm, sớm, khuya, mai,
 Sắt kia có thuở mình mài nên kim.
 Thế Liêng Tiên Nữ.

**4)-Đàn cơ Chiêu Minh Đàn đêm 17 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932) Cần Thơ
 (Tam Nguơn giác thế, trang 82 đến trang 85):**

Tiếp diễn:

Ngã dĩ từ chương giáo nghĩa phương,
 Khổng văn hoàng hóa sự luân thường.
 Phu thê, Phụ tử, Quân Thần Đạo
 Tử đệ phùng thời độ thiện lương.

Diễn dụ:

Các sĩ cùng chư khanh nghe rõ việc Tam giáo hiệp nhất: Từ mới mở mang Trời Đất đã có Đại Đạo Tam Giáo vốn một nhà, đời sau chia thành ba, chớ kỳ trung một bốn, kẻ thế không thông hiểu để tranh luận giành điều chơn giả với nhau hoài. Những người xưng mình là minh sư, thọ truyền cho đồ đệ, thì mỗi người cũng muốn khoe tài mình mà truyền khẩu với chúng sanh rằng Đạo mình chánh, Đạo khác thì tà : té ra mình là minh sư gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không dùng văn chương thì lấy chi mà tả Kinh điển Kệ? Còn học Nho mà không học Đạo thì ra người cuồng sĩ kiêu căng. Vậy khuyên mấy sĩ ba Đạo cùng đồng tìm kiếm gốc mình cho mình chơn lý đặng trước độ mình, sau độ chúng.

Vậy mới gọi là: Chánh Kỳ, Hóa Nhân.

Thi rằng:

Tam Giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau lầm tưởng vọng chia ba,
Minh Tâm may hiểu đường chơn, giả,
Mẫn Tánh mới thông nẻo chánh, tà.
Thích, Đạo tử như hành bộ khách,
Nền Nho ví tựa chiếc đò qua.
Muôn ngàn Kinh, Kệ do nơi chữ,
Tam Giáo từ xưa vốn một nhà.
Khổng Phu Tử Thượng Ý

Tiếp điển:

Nhan sắc người tu trở đượm nhuần
Hồi tâm lánh tục khỏi gian truân
Tử tôn noi dấu nhà Nho Giáo,
Tư mộ chơn truyền gặp cảnh xưa
Nhị thế trau giồi nền Chánh Lý,
Thánh Tiên rỏi rảnh đạo như luân.
Giáng khuyên người thế mau hồi tỉnh,
Cơ Đạo đổi xây khó độ chùng.

Nhan Hồi - Tử Tư

Diễn dụ:

Phàm làm con người ở thế phải biết Tam cang, Ngũ Thường làm bản và biết Đạo. Nếu muốn hiểu thông chơn lý và cư xử cuộc thế đạo nhà, dạy dân lễ nghĩa cũng nhờ văn chương khai khiếu. Nếu học Đạo mà không dùng Nho, tựa như toàn thiếu lái; kẻ thương đời mà không dùng Nho thì số bộ loạn hành, bốn lợi chẳng minh. Lại có câu: “Vạn sự tùng Nho dã xuất”.

Thi rằng:

Muốn minh chơn lý phải dùng Nho,
Máy Tạo huyền vi chẳng dễ mò.
Học Đạo thiếu văn, thuyền chích lái,
Cũng nên tìm kiếm một đôi pho.
Nhan Hồi - Tử Tư Thượng Ý

Tiếp điển:

Tăng long vĩnh nghiệp Đạo Tam Kỳ,
Tử đệ hạnh phùng hội khả vi.
Mạnh lý văn chương Trung Quán nhưt,
Tử tôn học Đạo kế truyền chi.
Tăng Tử - Mạnh Tử

Diễn du:

Phàm làm con người ở thế gian có ba bậc là: thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm. Bậc thượng phẩm ít đặng, tính cho bậc trung phẩm là giáo nhi hậu thiện. Còn kẻ hạ phẩm là giáo nhi bất thiện. Những người đứng bậc hiền lương quân tử gồm đủ Tam cang, Ngũ thường, xử thế rất minh, tuổi già học Đạo cũng dễ. Làm con người thì cái hạnh là gốc. Như kẻ không hạnh, dẫu làm quan tốt bậc Nhơn Thần, làm giàu đến bậc cự phú mà thiếu hạnh thì cũng sớm nở tối tàn, chẳng khác phù dung chi loại, bởi có câu: “Hạnh đoản thiên giao nhưt thế bản”.

Còn bậc hiền lương là: thảo Cha, ngay Chúa, hiếu đễ kiêm toàn, tam tĩnh, kỳ thân mỗi nhưt, bởi có câu: “Thiên Kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên”.

Còn một bậc Quân tử là: giữ tròn lễ nghĩa, lành trọng hơn giàu sang, dẫu nghèo khổ cơ hàn cũng chẳng xa lễ nghĩa. Có câu: “Quân tử tuy bản, lễ nghĩa thường tại”.

Khuyên các sĩ và chư khanh khá nhớ lời kim thạch chi ngôn, tìm kiếm văn chương chơn lý mà học sửa mình cho vẹn toàn mà độ chúng hiểu đường lẽ nghĩa, như từ cũng là một công quả lớn.

Còn những vị nào học Đạo luyện đơn, muốn đặng siêu phàm nhập Thánh, cũng trước phải thuộc và dọn mình cho đủ Tam Cang, Ngũ Thường, tập tánh hiền lương, dụng vật. Đạo, người vẹn vẽ sẽ bước qua Tiên Đạo, bởi có câu: “Tiên Đạo tùng Nhơn Đạo khởi”.

Thi rằng:

Làm trai khá giữ hạnh vi tiên,
Học Đạo thành công độ cứu huyền.
Chánh Kỳ hoá Nhơn là thiện sĩ,
Từ tâm khuyên chúng bậc lương hiền.
Tam Cang, Ngũ Lý nền Nhơn Đạo,
Ngũ giới, Tam Qui cội Thánh Tiên.
Nghiệp chướng sân si bằng chẳng dứt,
Khó mong tu luyện gặp chơn truyền.
Tăng Tử - Mạnh Tử

V-CHƠN LÝ ĐẠO KHỔNG QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ HAY LÀ SỰ ÁP DỤNG ĐẠO KHỔNG TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ ĐƯỢC THỊ HIỆN BẰNG CÁCH NÀO ?

A- Về phần Hình Nhi hạ học.

1)- Cách Thờ phượng.

a)- Trên Thiên Bàn: (Thờ Trời và chư Phật ,Tiên, Thần, Thánh). Dưới Thiên Nhãn, ở cấp bậc Tam Giáo Thánh Nhân thì có pho tượng hoặc linh vị Đức Văn Tuyên Khổng Thánh.

Dưới đó, ở cấp bậc Tam Trấn Oai Nghiêm thì có pho tượng hoặc linh vị Quan Thánh Đế Quân, Đại Diện cho Đạo Nho kỳ này.

b)- Trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ (Sự thờ cúng Tổ Tiên) thì có linh vị chung nêu lên bốn chữ “Cửu Huyền Thất Tổ” ở hậu điện của mỗi Thánh Thất, Tịnh Thất.

Ở tại Tòa Thánh thì có Báo Ân Từ mà chính điện dành cho bửu điện Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật. Bên tả thì có bàn thờ Nam chức sắc, bên hữu thì có bàn thờ Nữ chức sắc quá vãng.

Tư gia thì có thiết bàn thờ Tổ Tiên như xưa nay.

c)- Ở nhiều Thánh Thất, Tịnh Thất. Sau Hậu đường, ở giữa có thiết bàn thờ Tổ Quốc và các Đấng Anh Linh của dân tộc.

2)-Kinh Sám:

Về Đạo Nho, các loại Kinh sau đây được áp dụng:

a)- Kinh xưng tụng Đức Văn Tuyên Khổng Thánh gọi là: Nho giáo chí tâm qui mạng lễ, bằng chữ Hán, khởi đầu bằng mấy chữ: Quế Hương nội điện Văn tử thượng cung..v. v...

Trước kia, Tòa Thánh Minh Chơn Lý (Mỹ tho) có tiếp được mười bốn bài Kinh bằng chữ Nôm, trong đó, về phần đạo Nho thì có các bài Kinh Xưng Tụng Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, đức Quan Thánh Đế Quân, Đức Khương Thái Công và Đức Định Phước Táo Quân.

b)- Kinh dùng theo việc Quan, Hôn Tang tế v. . v... và Kinh Thế Đạo như Kinh Giải Oan, Tắm Thánh, Kinh cầu bệnh, Kinh Hôn phối, Kinh Nhập hội, Xuất hội, Kinh Thuyết pháp, Kinh Hôn, Kinh mai vv...

3)-Lễ Nhạc:

a)- Về Lễ: thì có đồng nhi đọc các loại Kinh và các Lễ sĩ hiến lễ phẩm trong khi cúng tế tại Thánh Thất hay Đền Thánh.

Các Lễ sĩ và Chức sắc thuộc Phái Nho thì được gọi là Chức Sắc Phái Ngọc và bận lễ phục (áo rộng) màu đỏ. Từ Giáo Hữu sắp lên đến Phối Sư thì đội các loại mũ màu đỏ. Màu đỏ trưng trưng cho “Trí”, một trong ba đức: Nhân, Trí, Dũng đã nói ở đoạn trước.

b)- Về Nhạc: Khi tế Thần, Thánh thì dùng trống lớn, chiêng hay cồng đánh lên ba hồi. Tiếp theo đó thì có Văn Nhạc được trưng bằng hai cái trống nhạc, đàn, kèn, sáo, chập chĩa, nhịp sanh v..v...

Trong việc tang lễ thì chỉ dùng văn nhạc đánh lên những bài theo giọng Nam ai mà thôi.

4)-Y phục :

a)- Lễ phục: Chư Chức sắc, Chức việc có lễ phục riêng được ấn định trong Pháp Chánh Truyền.

b)- Thường phục: Nam Phái chít khăn đen, bận áo chẹt trắng dài, quần trắng. Khi có lễ vui mừng như lễ cưới thì Nam phái có thể chít khăn đen, bận áo dài màu đen hoặc bận Âu phục màu đen.

Nữ phái thì bới tóc như xưa nay, mặc áo dài trắng hoặc đen (khi dự lễ cưới) hoặc áo màu. Mặc quần đen hay trắng tùy ý. Nói chung là quốc phục xưa nay vẫn được tôn trọng.

5)-Lễ phẩm: Có sự cải cách lớn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ về phương diện lễ phẩm.

a)- Lễ phẩm Để dâng lên Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần gồm có: Hoa, trà, rượu, trái cây (không có đồ chay nấu chín).

b)- Lễ phẩm dâng cúng Tổ Tiên: Gồm những hoa, quả, bánh trái và các món đồ nấu toàn là thảo mộc gọi là đồ chay. Tuyệt nhiên không dùng lễ phẩm bằng huyết nhục của các thú vật.

Đối với những vong linh người mới từ trần thì một thời gian sau đó lâu hay mau, đến ngày Tiểu Tường, Đại Tường và ngày Kỳ thì toàn dùng đồ nấu chay.

Nhưng nếu vong linh người chết cho biết đã được thăng lên bậc Thánh thì không còn hưởng đồ chay nấu bằng khói lửa nữa mà chỉ nhận lễ phẩm gồm hương, hoa, trà, quả mà thôi.

6)- Về sự giao tế giữa các người trong thân tộc và ngoài xã hội thì trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ áp dụng triệt để Ngũ Luân là:

Vua - Tôi (nay là Chính quyền và công dân)

Cha - Con

Chồng - Vợ

Anh Em

Bậu Bạ.

Và Ngũ Thường là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín

B- Về phần Hình nhi Thượng Học.

Đại Đạo Tam Kỳ công nhận và áp dụng các nguyên tắc sau đây của Nho giáo:

1)- Thuyết: Tu, Tề, Trị, Bình của sách Đại Học với Bát Điều Mục là: Cách vật, Trí tri, Thành Ý, Chánh Tâm, Tu thân, Tề gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ,

- 2)- Quan niệm người Quân Tử với những đức tính cần thiết là: Nhân, Trí, Dũng (Tam đạt đức) và Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa. Liêm, Sĩ.
- 3)- Quan niệm bậc anh thư với các đức tính cần thiết là Tam Tùng và Tứ Đức (Công, Dung, Ngôn, Hạnh) với đặc điểm là Tiết Hạnh (Trinh - Thuận).
- 4)- Đạo Nhứt Quán của sách Trung Dung hay là Đạo nhân và phương pháp “Khắc Kỷ phục Lễ”.
- 5)- Phương pháp: “Tồn tâm Dưỡng Tánh” để “Siêu phàm nhập Thánh”.

VI- TỬ THƯ HAY TỬ THƠ VÀ NGŨ KINH.

A-Tử Thư hay Tử Thơ (Les quatre livres classiques) gồm có:

- Đại học (Livres de la Grande étude)
- Trung Dung (Livre qui traite du Juste Milieu ou du Milieu invariable)
- Luận Ngữ (Livre des Entretiens)
- Mạnh Tử (Livre den Mancius)

Tác giả sách Đại Học là Thầy Tăng Sâm, cao đồ của Đức Khổng Tử, kém hơn Đức Khổng Tử độ 4, 5 tuổi.

Tác giả sách Trung Dung là Thầy Tử Tư (tên thật là Khổng Cấp) cháu nội của Đức Khổng Tử và là Cao đệ của Thầy Tăng Tử).

Tác giả sách Luận Ngữ gồm nhiều Cao đệ của Đức Khổng Tử. Mỗi vị này thuật lại phần đáp từ của Đức Khổng Tử về một câu hỏi của mình. Lời tường thuật ấy được gọi là Thiên. Có mấy chục bài tường thuật là có mấy chục Thiên. Mỗi Thiên đều lấy tên riêng của vị Cao đệ soạn bài tường thuật đó. Thí dụ Thiên Nhiễm Cầu, Thiên Tề Ngã...v.v...

Tác giả Mạnh Tử chính là Thầy Mạnh Kha, sinh một trăm năm sau Đức Khổng Tử và là Cao đệ của Thầy Tử Tư.

Trong sách Mạnh Tử, Thầy Mạnh Kha đã nêu lên những quan niệm của mình về các điểm căn bản của Đạo Nho mà trước kia Đức Khổng Thánh đã đề cập đến. Thí dụ: Quan niệm về: Dân, về Xã Tắc và Đấng Quân Vương; Quan niệm về người Quân tử trong thời loạn hay là Trượng phu. .v. v...

B- Ngũ Kinh (Cinq livres canoniques) tức là năm quyển Kinh do Đức Khổng Tử san định lại. Nói cách khác, Ngài sưu tập những tư tưởng các Thánh Hiền đời xưa và sắp các tư tưởng ấy lại cho có hệ thống thành năm quyển Kinh nhan đề là:

- Kinh Thi (Livre des Poésies).
- Kinh Thư (Les Annales de la Chine)
- Kinh Dịch (Livre des Mutations ou des Transformations),
- Kinh Lễ (Livre des Rites),
- Kinh Xuân Thu (Chroniques de la Principauté des Lou (Lỗ)).

Trong năm Kinh, chỉ có Kinh Xuân Thu là do Đức Khổng Tử soạn ra mà thôi. Nó thực là sử nước Lỗ - trong một thời gian hai trăm năm.

CHƠN LÝ ĐẠO PHẬT QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

I- ĐỊNH NGHĨA:

Chơn cũng đọc là Chân: thực, không giả dối, có thực, không phải hư ảo; bản chất.

Lý: Lễ

Chơn lý Đạo Phật: Phần căn bản hay bản chất có thực, không hư ảo của Đạo Phật.

Chơn lý Đạo Phật lúc ban sơ gồm các điểm cốt yếu như sau:

Vấn đề khổ, vấn đề Vô thường, vấn đề Vô ngã. Ba điểm này được lấy làm tôn chỉ của Đạo Phật ngay từ buổi đầu.

VẤN ĐỀ KHỔ

Được lồng vào chương trình giáo lý của Đạo Phật gồm bốn mục gọi là Tứ Diệu Đế hay là Tứ Thánh Đế như sau:

- A- Khổ Đế: hay là Khổ Đề (sinh là Khổ, lão là Khổ; bệnh là Khổ, tử là Khổ).
- B- Tập Đế (nguyên nhân sự Khổ gồm thập nhị nhân duyên từ Vô minh ở các tiền kiếp đến thời kỳ “Tử” của kiếp này: Luật Nghiệp báo và Luân hồi).
- C- Diệt Đế (diệt sự Khổ: con người tự đem xiềng xích buộc cho mình thì phải tự mình tháo nó ra chớ không ai làm việc ấy cho mình được).
- D- Đạo Đế (phép mầu diệt Khổ tức là “Đạo Bát chánh” gồm 8 điểm sau đây:
 - 1)- Chánh kiến (tín ngưỡng chơn chánh)
 - 2)- Chánh tư duy (tư tưởng chơn chánh)
 - 3)- Chánh ngữ (lời nói chơn chánh)
 - 4)- Chánh nghiệp (việc làm chơn chánh, đúng theo Tam Qui, Ngũ giới).
 - 5)- Chánh mạng (nghề nghiệp chơn chánh) đúng theo Ngũ giới.
 - 6)- Chánh tinh tấn (sự cố gắng chơn chánh, tinh khiết trong sự tu học, trong những hoạt động)
 - 7)- Chánh niệm (sự tưởng nhớ chơn chánh).

8)- Chánh định (Thiền định chơn chánh)

VẤN ĐỀ VÔ THƯỜNG

Đề cập đến vấn đề Vô thường (Impermanence) là cố ý nói: Các hiện tượng (phénomène) vô tri, vô giác, hoặc hữu tri, hữu giác cũng được gọi chung là: Vạn pháp trong thế gian này từ nhật, nguyệt, tinh tú, sơn hà, đại địa cho đến côn trùng, thảo mộc, cầm thú và loài người (hiên ,ngu, thánh, phàm), không có vật nào đã có mà lại không tiêu mất (hữu hình tất hữu hoại, hữu tử tất hữu chung).

Vạn pháp sở dĩ có là bởi nhân duyên ở ngoài tạo ra rồi lại theo nhân duyên ấy mà tiêu diệt và như vậy, vạn pháp như thiết không trường cửu, không có thường định: nghĩa là Vô thường.

VẤN ĐỀ VÔ NGÃ

Nêu lên vấn đề Vô ngã (non égo, non moi, impersonnalité) là cố ý nói trong vạn pháp không có thần ngã bất diệt (nghĩa là các cơ ngã riêng trường cửu của mỗi pháp).

Theo Phật giáo, cái mà người ta tưởng lầm là thần ngã (égo, le moi) là cái do ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp lại mà thành và sự thật nó là uẩn ngã (thí dụ: sanh hồn hay mê hồn (âme végétative) gồm những bản năng sinh tồn (les instincts), giác hồn (âme sensitive) gồm những thất tình và lục dục.

Khi con người chết, nhục thể tan rã thì mê hồn hay sanh hồn và giác hồn sẽ cùng với nó mà tan rã theo. Như vậy uẩn ngã cũng do đó mà tan rã nốt. Vậy không nên lấy cái uẩn ngã này mà làm cái chân ngã (sẽ được giải thích ở đoạn sau).

SỰ PHÂN CHIA ĐẠO PHẬT LÀM HAI PHÁI:

(Tiểu Thặng: petit véhicule và Đại Thặng: grand véhicule)

Ba điểm căn bản: Khổ, Vô thường, Vô ngã nói trên là tôn chỉ của Đạo Phật từ buổi sơ khai và suốt trong thời kỳ Đức Phật còn tại tiền.

Trong thời gian ấy, các vị tông đồ của Đức Phật từ bậc Thánh Văn, bậc Duyên Giác cho đến bậc La Hán là bậc Thánh đã đoạn tuyệt hết thảy những Kiên, Tư, Hoặc, ở trong tam giới đều noi theo đó mà tu hành để đi đến Niết bàn (Nirvana), là cảnh không sanh, không diệt nữa.

Nhưng sau khi Đức Phật tịch diệt rồi thì trong số môn đồ lại chia ra làm hai Phái có ý kiến khác nhau như sau:

1)- **Phái Tiểu Thặng** (Petit véhicule): Phái này do các bậc Trưởng lão theo đúng giáo pháp mà Đức Phật đã hoạch định khi còn tại tiền và không được thay đổi, thêm bớt gì cả. Phái này mệnh danh là: Phật giáo nguyên thủy và chọn Đảo Tích Lan làm nơi phát xuất. Về sau Phái này được gọi là Phật giáo Nam Tông và đã truyền sang Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Ai Lao, Cam Bốt..v.v..

Nơi am tự, Phái Tiểu Thặng chỉ thờ có một vị Phật duy nhất trong quá khứ, trong hiện tại và trong tương lai là Đức Thích Ca Như Lai.

Theo gương Đức Thích Ca còn tại tiền, Phái Tiểu Thặng trước đây hằng ngày thi hành thủ tục “hóa trai” (Trì bình khát thực). Thủ tục này hiện nay không còn thực hành nữa. Danh từ Tiểu Thặng có nghĩa là: Chiếc thuyền con chở được một số ít hành khách mà thôi.

2)- **Phái Đại Thặng** (Grand véhicule) là Phái do Đại Chúng lãnh đạo. Đại Thặng có nghĩa là: Chiếc thuyền to chở được số lớn người quá giang.

Phái Đại Thặng cho rằng: “Cái giáo pháp để chữa các bệnh của người đời quá say đắm về những học thuyết của Đạo Bà La Môn, cho nên Đức Phật có ý không nói đến cái học Hình Nhi Thượng, bỏ cái học ấy ra ngoài vòng luân hồi sanh tử, chớ không phải giáo pháp của Ngài chỉ có thế mà thôi.

Phái Đại Chúng (Đại Thặng) sở dĩ có thái độ như thế là cũng vì có tư tưởng của phần nhiều người thời bấy giờ rất khuynh hướng về cái học thuyết siêu việt để sưu tầm cho ra Chân Lý (điều mà trước kia Đức Phật không cấm đoán). Vì lẽ đó mà Phái Đại Thặng mỗi ngày một bành trướng lên và lâu ngày thành một học thuyết lớn lan rộng ra nhiều nước ngoài như Tây Tạng, Trung Hoa, Mông Cổ, Việt Nam, Cao Ly và Nhật Bản v.v...

Đức Phật trước khi đắc Đạo đã học hết các học thuyết trong Bà La Môn giáo, thì chắc chắn Ngài cũng không bỏ những giáo pháp ấy. Bởi thế cho nên sau khi Đức Phật tịch

diệt thì các môn đồ của Ngài không đồng ý kiến với nhau về cách áp dụng giáo pháp của Ngài.

Phái Đại Thặng chủ trương lấy “vi ý” của Đức Phật mà lập ra một giáo pháp có học Hình Nhi Thượng mà gây thành một học thuyết có chủ đích rộng lớn hơn, có thể cứu độ được hết thảy chúng sanh.

*** Về sự tín ngưỡng:**

- Phái Tiểu Thặng chỉ nhận có Niết Bàn là cõi cùng tột của người tu đạo. Ai tu hành đắc Đạo là vào Niết Bàn. Niết Bàn không phải là cõi hư vô trống rỗng, tuyệt nhiên không có gì cả, mà là mọi sự ham muốn khát vọng và những điều điên đảo, giả dối đều tuyệt nhiên không có. Thật là một cảnh an vui vô cùng! Ở cảnh này không còn phân biệt hiền ngu, phạm Thánh gì nữa. Vì lẽ đó mà các môn đồ Tiểu Thặng chỉ sùng bái Tam Bảo: (Phật, Pháp, Tăng) và chỉ có thờ Đức Phật Thích Ca là vị Đạo sư đã khai ngộ cho chúng sanh để đi đến chỗ giải thoát ra ngoài vòng luân hồi.

- Phái Đại Thặng tuy đã theo đúng tôn chỉ của Đức Phật đã dạy nhưng đã mở đường lối để đi đến chỗ chân lý tuyệt đối.

Lẽ tất nhiên Phái Đại Thặng tự hỏi rằng:”Vạn pháp đã Vô thường thì cái gì là thường? Vạn pháp đã Vô ngã thì cái gì đi đến chỗ giải thoát mà vào Niết Bàn?”.

Vì có những câu hỏi ấy cho nên Phái Đại Thặng đi thẳng vào cái học Hình Nhi Thượng và truyền ra những Kinh như Bác Nhã Ba La Mật Kinh, Kim Cương Kinh, Pháp Hoa Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh và các luận thuyết nói về Chân Như Chân Ngã: Linh hồn (esprit); về Không, về Pháp, về Duy Thức v.v...

Về sự thờ phụng trong các chùa thuộc Phái Đại Thặng trước đây mấy chục năm, thì có thờ chư Phật và các vị Bồ Tát. Nguyên do là theo lý thuyết Hình Nhi Thượng Học của Phái này thì trong Vũ Trụ chỉ có một Đức Phật, tức là một cái Biết, cái Sáng độc nhất, tuyệt đối, bất sinh, bất diệt thường trụ trong Tam Thế: Quá khứ, hiện tại, vị lai. Vạn pháp (vạn tướng) nói trên đều do đó mà sinh hóa rồi trở về đó (Bổn lai diện mục).

Cái Biết, cái Sáng độc nhất ấy gọi là Pháp Thân Phật, chư Phật ở cõi Phật hay cõi đời, hết thấy đều là những cái ảnh, cái bóng của cái Biết, cái Sáng ấy và tất cả đều do Pháp Thân Phật hiện ra chớ không có cái gì khác.

Vì lý do đó mà trong chùa thuộc Phái Đại Thặng trước kia có thờ Tam Thế Thường Trụ Pháp Thân Phật (Vairocana), Báo Thân Phật tức là Đức A Di Đà Phật tức Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ Phật và Hóa Thân Phật là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cùng chư vị Bồ Tát như Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát..v..v

Đó là những điểm khác biệt bề ngoài nhưng bề trong hai Phái Đại Thặng cùng Tiểu Thặng theo đúng lời dạy của Đức Phật.

Ý nghĩa câu: Chơn Lý Đạo Phật qua Tam Kỳ Phổ Độ.

Câu trên đây có nghĩa sau đây: Xuyên qua Tam Kỳ Phổ Độ, chơn lý của Đạo Phật được áp dụng như thế nào?

Nói một cách khác, trong Tam Kỳ Phổ Độ, các điểm trọng yếu của giáo lý Đạo Phật vừa nói trên đã được giải thích và áp dụng dưới hình thức nào?

II- MỐI LIÊN QUAN MẬT THIẾT GIỮA ĐẠO PHẬT VÀ TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

A- Định nghĩa:

1)- Tam Kỳ Phổ Độ hay là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là: Đạo Trời (Đại Đạo) khai diễn lần Ba để cứu độ chúng sanh. Tiêu ngữ ấy đáng lẽ phải được viết như sau:

Đại Đạo: Tam Kỳ Phổ Độ

2)- Tam Giáo Qui Nguyên: Ba Giáo lớn và lâu đời như ở Á Châu là Nho, Thích, Đạo, nay cùng nhìn nhận đồng thuộc về một nguồn gốc.

3)- Ngũ Chi Phục Nhứt: Năm trình độ tu hành trong Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo, đồng trở về Ngôi Một là Đại Đạo hay Lý Nhứt Nguyên (Thượng Đế không thị hiện).

B- Các Thánh giáo tiếp được từ buổi sơ khai của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho đến nay nói về mối liên quan mật thiết ấy.

1)- Đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc) đêm 7/4/1926.

Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương:

Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã,
Kim viết Cao Đài.

2)- Đàn cơ tại Chùa Giác Hải (Phú Lâm Chợ Lớn) đêm 15 tháng 8 Bính Dần (1926):
Thích Ca Mâu Ni Phật viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chuyển Phật Giáo Nam Phương.

Như Nhãn con nghe Thầy:

Khi giáng trần Chí Tôn Phật Tổ, Thầy dạy rằng có 5 môn đệ, chúng nó đều chối Thầy.
Khi giáng lập Đạo Tiên, Thầy có một trò là Nguơn Thi.
Khi lập Đạo Thánh, Thầy đặng 12 môn đệ. Song đến khi bị bắt và hành hình thì chúng nó đều trốn hết, lại còn bán xác Thầy nữa....

(Phụ giải: Như Nhãn là pháp danh của vị Hòa Thượng trụ trì Chùa Giác Hải).

3)- Đàn cơ tại Long Ân đàn (Sài Gòn) đêm 8 tháng 10 năm Kỷ Mão (18/11/1939):

Thầy các con. Mừng các con nam nữ.

Thi bài:

Thích Ca xưa vốn Cao Đài,
Cao Đài nay cũng Như Lai giáng trần.
Các con rõ ý Thầy phân,
Phật Tiên chi cũng phàm thân luyện thành.
Cùng chung một Phái Tam Thanh,
Chuyên lo tu tịnh căn lành huờn nguyên.
Thoát vòng khổ hải truan chuyên,
Muôn năm mới gặp Chơn truyền Thầy ban.
Huệ đao đoạn dứt dây oan,
Tu thành chánh quả Hội Bàn Cung Diêu.

.....

4)- Đàn cơ tại Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức) khoảng vào năm 1940/1941):

Vào khoảng thời gian nói trên, trong một đàn cơ lập tại Liên Hoa Cửu Cung, sau khi Đức Thượng Đế giáng xuống thì một vị hầu đàn (Chủ tịch một Hội Phật học trú danh ở miền Nam) bèn quì xuống dâng lên một cái khay (mật số) trong đó có viết 6 chữ: Nam Mô A Di Đà Phật và cầu xin Ôn Trên minh cái số ấy Đại Ngọc Cơ chuyển động và viết: “Thập nhị tòng lục”. Người dâng số nói lớn: “Trật”. Đại Ngọc Cơ chậm rãi viết:

“Thầy cho phép con khai cái mật khải ấy và đọc lớn lên cho cả đàn cùng nghe”. Vị ấy tuân lệnh và đọc lớn: “Nam Mô A Di Đà Phật”. Cơ viết: “Con đếm xem mấy chữ?” Vị ấy đếm và bạch: “Sáu chữ”. Cơ lại tiếp tục viết: “Còn tá danh của Thầy có mấy chữ?”. Vị ấy đếm và bạch: “Mười hai chữ”. Cơ tiếp tục viết: “À! mười hai chữ ngày hôm nay do sáu chữ xưa kia mà ra . Trật chỗ nào?. Vị nói trên bèn sụp xuống lạy và xin lỗi.

5)- Đàn Cơ tại Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng) đêm Giao Thừa 30 tháng Chạp năm Giáp Thìn (1/2/1965).

Tại đàn cơ này, Đức Thượng Đế Cao Đài giảng xuống xưng danh như sau:

Muôn thuở từ bi với chúng sanh,
Không phân kẻ dữ với người lành,
Nghiệp duyên vay trả tùy căn độ,
Tam Giáo khác màu cũng một danh.

Sau khi dạy xong mọi việc, Ngài sắp thẳng thì một vị hầu đàn bạch yêu cầu Ngài cho biết trong hai pháp danh mà các Đấng Thiêng Liêng đã ban cho vị ấy phải chọn pháp danh nào thì Đại Ngọc Cơ vừa viết câu: “Thầy ban ơn các con - Thẳng “, liền huy động mạnh trở lại và viết ra đoạn như sau:

Thi:

Tự con nhận hiểu đủ rồi,
Tên nào cũng phải ngược xuôi làm gì?
Tu đi con hãy tu đi!
Tên nào cũng được ngại chi con hiền ?
Hiểu rằng: Nghiệp quả trần duyên,
Tên là cái giả triền miên muôn đời.
Xuống lên, lên xuống luân hồi,
Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay!
Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài,
Khi xưng Thiên Chúa khi khai Di Đà.
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,
Bao lần Khổng Mạnh cũng già này đây !
Khuyên con an dạ từ rày,
Nghiệm suy cho hiểu lời Thầy định phân.

III- Chơn lý Đạo Phật qua Tam Kỳ Phổ Độ.

A- Về Hình Nhi Hạ Học.

1)- Cách thờ phượng trong Đạo Cao Đài:

Trên Thiên Bàn ở cấp bậc Tam Thanh Giáo Chủ thì có pho tượng hoặc linh vị của Đức Thích Ca Như Lai. Dưới đó một bậc trong hàng Tam Trấn Oai Nghiêm, Đại Diện cho Đạo Phật, có pho tượng hoặc linh vị Đức Quan Âm Bồ Tát, và bên ngoài ngó vào Thiên Bàn thì có pho tượng Đức Hộ Pháp cầm giáng ma xử.

2)- Các nghi lễ:

a- Kinh Nhật tụng: Có Kinh xưng tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

b- Trong số 14 bài Kinh Nôm do Toà Thánh Định Tường (Mỹ tho) tiếp được thì có bài Kinh xưng tụng Đức Thích Ca Phật Tổ và bài Kinh Xưng tụng Đức Quan Âm Nam Hải. Về việc tang lễ thì trước kia trong Tam Kỳ Phổ Độ còn dùng Kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan. Nhưng sau này quyển Kinh này được thay thế bằng quyển Di Lạc Tâm Kinh. Quyển Kinh Phổ Môn xưa bằng chữ Hán thì nay được thay thế bằng quyển Kinh Phổ Môn Quốc Âm, phiên dịch quyển trước.

c- Lấy dấu Tam Qui: Qui y Phật, Qui y Pháp, Qui y Tăng.

3)- Về nhạc cụ:

Dùng trống lớn gọi là Lô Âm Cổ và Đại Hồng Chung gọi là Bạch Ngọc Chung để đầu lễ Đại đàn, đánh lên Ngọc Hoàng sấm.

4)- Lễ phẩm:

Hương, hoa, trà, rượu, trái cây, sớ điệp.

B- Về Hình Nhi Thượng Học:

Những điểm tương đồng với Đạo Phật:

1)- Ý nghĩa Tam Qui, Thiên đàng, Địa ngục.

2)- Giải thích và áp dụng Ngũ giới cấm.

3)- Công nhận thuyết: Hữu - Vô, Không - Sắc.

4)- Công nhận cảnh Niết Bàn.

5)- Công nhận thuyết Tứ Diệu Đế - Luật Nghiệp Báo và Luân Hồi.

6)- Công nhận thuyết Tham Thiền Nhập Định để đi đến Minh Tâm Kiến Tánh (Giác Mê).

C- Các bài Thánh Giáo giải thích một ít điểm quan trọng nói trên.

1)- Đoàn cơ tại Cao Thiên Đàn (Kiên Giang) đêm 28 tháng 4 Canh Ngọ (20/9/1930):

Giải thuyết Đạo Phật

Thi:

Tây cảnh gìn lòng độ chúng sanh,
Phương nào cũng độ khắp u minh.
Thích môn huệ tánh giồi tâm tướng,
Ca giáo hư vô luyện tánh linh.
Chứng cấp huyền cơ ban Nữ Phái,
Minh mộng Ngọc sắc hội Tiên Danh.
Thể vân xá lợi đồng vui hưởng,
Liên(g) các cung Quỳnh bước rộng thanh.

Thượng ý chứng đàn cho:

Thể Sắc không không hữu bất không,
Liên(g) Hoa vạn đóa hiện vu trung,
Tiên đơn ký đắc Minh Tâm tánh,
Nữ, nữ, nam, nam tánh diệc đồng.

Thuyết giảng Đạo Phật

1- Tây phương Giáo Chủ Thích Ca,
Giảng minh thuyết pháp Thiên Hoa Liên Đài,
Hằng sa số Phật hôm mai,
Nhứt tâm qui hướng Như Lai phước điền.
2- Có câu Phật độ hữu duyên,
Khuyên ai rán giữ bốn nguyên của mình.
Nhơn sanh vạn vật tối linh,
Tiền nhân hậu quả như hình rọi gương.
3- Phật Ca hạ giảng Tây Phương,
Xả thân cầu Đạo bởi thương loài người.
Thương vì sanh đứng giữa Trời,
Sánh cùng Thiên Địa đáng ngôi Tam Tài.
4- Lý ứng mạnh giỏi hoài hoài,
Có đâu già yếu hôm mai tật nguyên.
Đến cơn bịnh khổ triền miên,
Thác rồi hết kiếp đảo điên trăm bề.

5- Sanh rồi lại bịnh làm chi ?
 Lão rồi lại Tử thảm thê vô cùng !
 Nghĩ suy chi xiết não nùng !
 Tuyệt sơn tu luyện dày công được thành.

6- Quyết lòng độ khắp chúng sanh,
 Niết Bàn diệu quả chứng minh Bồ Đề.
 Rèn lòng nguyện lực Đại Bi,
 Vô thượng chánh giác, kiếp thì viên minh.

7- Đạo Phật càng gẫm càng kinh !
 Bất sinh bất diệt minh minh muôn ngàn,
 Đại thiên thế giới mang mang,
 Vô biên, vô lượng, thanh nhàn trang nghiêm.

8- Sắc, Không, Không, Sắc nan chiêm,
 Vô ảnh, vô tướng cổ kim diệu huyền.
 Tâm lưu, nhứt đán đắc nguyên,
 Diệu trung Chí diệu, hiển nhiên phi phạm.

9- Bình tâm dưỡng tánh cho kham,
 Tu lai cải vãng chớ ham vọng cầu.
 Trong mình sẵn ngọc Minh Châu,
 Trong mình sẵn Phật phải đâu mà tìm.

10- Trăng trong, gió lặn, nước êm,
 Gay chèo Bác Nhã, khoát rèm Chơn Như.
 Lần lần dọ bến Không Hư,
 Nọ bờ Cực Lạc, kia bờ Phi Phi.

11- Vượt qua Bát Chánh Đạo chi,
 Trần sa vô bất liễu tri hiện tiền.
 Trái sanh vô sắc Trùng Thiên,
 Linh Sơn chứng quả vô phiền vô ưu.
 Máy ai rõ thấu Đạo mâu,
 Thông hành, thể dụng, nguyên lưu Di Đà.

.....

2)- Thánh Giáo giải thích Qui Y:

Thi:

Thể đắc Kiên Khôn bí diệu huyền,
 Liên(g) đài Cực Lạc khám hồn nhiên,

Tiên gia khẩu thọ truyền tâm yếu,
Nữ phái ưu tư ngộ giác duyên.

Qui Y:

1- Qui y chánh nghĩa: Về nương,
E đường lầm lạc phải nương có người.
Xét coi dưới Đất trên Trời,
Có ba ngôi chánh đáng nơi cây nở.

2- Minh môn thế giới cõi bờ.

Qui Y Phật:

Nhứt nương theo Phật đại từ đại bi,
Các em vụng tính, hẹp suy,
Cứ tưởng râm rì Phật ở Tây phương.
Nào hay trước mắt chán chường,
Phật là tri giác ở lương tâm mình.

.....

Khuyên em hãy giữ lấy thân,
Trong mình đã sẵn Tam Thân Phật rồi.
Tánh người bắm tại khí Trời,
Tam thân Phật Tánh trau giồi bốn căn.
Một là thanh tịnh Pháp Thân,
Hai là thiên ức Hóa Thân Bồ Đề.
Qui y tự tánh kiêng dè,
Báo thân viên mãn, chở che hằng hà.
Tam thân thứ tự đủ ba,
Tự tâm qui hưởng thật thà đừng gian.

.....

Qui Y Pháp:

Qui y Phật tóm ít hàng,
Bước qua Qui Pháp một đàng chỉ cho.
Pháp giả Chánh giả nghĩa to,
Ngươi thần giữ chặt chớ vô nẻo tà.
Nhứt tâm nhứt niệm thiết tha,
Vô nhân, Vô ngã thiết là không không.
Vô ưu, vô lự thông dong,

Bất tham, bất dục, Pháp trong Tánh mình.
Cho nên tu phước phóng sinh,
Có mong thì phải có tình ý tham.
Lo sao việc phải nên làm,
Đừng toan tính trước giành cam danh phần.
Dầu cho phước đức vô ngần,
Phước tuy có đó, tội hằng đuổi theo.
Vì chưng có ý dết thù,
Phải chi gặp dịp, gặp dèo, làm doan,
Vô tâm vi thiện mới ngoan,
Hữu tâm vi thiện ai màng mà ham?
Biết rằng bất chánh mà làm,
Tội càng bội tứ, bội tam tội thường.
Chánh là một bực bình thường,
Kìa Trời Nhật Nguyệt Âm Dương đến ngày.
Dầu cho tiết khí đổi thay,
Cũng là mục chánh chuyển day tứ mùa.

.....

Qui Y Tăng:

Luôn lời chi giải Qui Tăng,
Tam Qui gìn giữ khít khăng chớ rời.
Tăng là thanh tịnh trong vơi,
Như trời im lặng, không mồi gió mưa.
Lòng không ham, ghét, chuộng ưa,
Gìn cho trong sạch bốn sơ tánh mình.
Nhật nguyệt còn có hồi minh,
Tăng Qui nghiêm nên tánh tình giới trau.
Vững vàng chẳng núng, chẳng nao,
Lặng trang như nước, không chao, không tràn.
Công danh phú quý chẳng màng,
Địa ngục, Thiên đàng chẳng vọng, chẳng mê.
Đại hùng dũng lực từ bi,
Vô thính, vô xú, vô khi mực thường.
Biết sao thiệt thiệt, hơn hơn,
Biết sao thương ghét, ghét thương cõi trần.

Kìa kìa một đám phù vân,
Mà trời thanh tịnh lẩn lẩn trong xanh.
Tăng Qui khuyên khéo giữ gìn,
Cho thanh, cho tịnh, như bình nước trong.

.....

Chớ rằng Đạo ở đâu xa,
Minh Tâm kiến tánh, liên hoa hầu kể.
Qui Y Chánh Pháp chỉ rành
Phải chuyên qui hướng trọn lành mới nên.

.....

3)- Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài dạy về chữ “KHÔNG”

(Đại Thừa Chơn Giáo Trường Thiên trg. 92)

Thầy truyền có một chữ KHÔNG,
Chữ KHÔNG làm đặng lục thông chứng thành.

Thi dạy về “HỮU - VÔ” (ĐTCG. trg. 102)

Thi:

Hể tầm chỗ CÓ bỏ nơi KHÔNG,
Đưa ấy còn đương nhốt tại lồng.
Đạo cả vô vi chơn chánh lý,
Tu tâm luyện tánh ở bề trong.

4)- Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài dạy về cảnh Niết Bàn (ĐTCG. trg. 204)

Thi:

Thầy nhỏ ân lành xuống thế gian,
Ban thêm chén thuốc tỉnh mơ màng.
Biết đường Đạo đức là Chơn lý,
Thì rán lo tu nhập Niết Bàn.

Hự thi:

Niết Bàn thông thả lảm con ơi!
Thú lạ Thần Tiên khoái lạc rồi.
Thanh tịnh tiêu điều an tự tọa,
Đâu còn chuyển kiếp chịu luân hồi.

5)- **Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài dạy về “Sắc - Không”** (ĐTCG, trg. 332 - 334) “Vô thường”

Thi:

Muôn vật thế gian chẳng vững bền,
Có thì hư hoại mấy hồi nên,
Không là trường cửu không tan rã,
Nên mượn chữ Không đúc móng nền.

Sắc tức thị không

Ở thế gian hữu hình, vật chất không bao lâu nó tan ra gió bụi.

Các con có hình trạng, mắt thấy tai nghe, là giả, mộng ảo. Các vật sống trên thế giới không bao giờ bền bỉ, có đó rồi nó lại hóa ra không. Sự có, không ấy nó dễ dàng mau lẹ như bọt nước trôi sông, như sương đeo ngọn cỏ....

6)-**Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài dạy về “Chữ Tâm”** (ĐTCG, trg. 340 - 343).

Thi:

Đạo Tâm phát triển chí thanh cao,
Vùng vẫy nhảy ra khỏi bốn rào (Tứ tường)
Sắc tức thị không thành chánh quả,
Trung không hữu sắc, khí thần giao.

Đây Thầy giải về chữ Tâm:

Trong Vũ trụ Càn khôn, lấy cái Lý Thái Cực làm Chủ tể của muôn triệu ức sanh linh và chuồng quản vật chất hữu hình (linh hồn và xác thịt) . . .

Trong Trời Đất có cái Lý nhất định thanh quang là Thái Cực, là Trung tâm điểm cho Vũ Trụ Càn Khôn, muôn loài vạn vật.

Cái Lý độc nhất ấy toàn tri, toàn năng, biến hóa vô cùng, vô tận, dưỡng dục cả sanh linh, bảo tồn vạn loại. Lý độc nhất ấy bao quát thần thông, quay chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang biến hóa chung cho tinh thần vật chất, mở mang cái trí huệ cho mọi người noi theo Thiên Lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến chỗ kỳ cùng mục đích là nơi nhất định.

Phụ chú:

Để làm sáng tỏ đoạn Thánh Giáo trên đây, chúng tôi xin dựa vào Vũ trụ quan trong Đạo Lão mà trình bày rằng:

Trước khi chưa định phân Trời (Le ciel, le firmament), Đất (La terre, les astres et les planètes) thì trong không gian có một yếu tố cực kỳ tinh vi, cực kỳ linh diệu, vô hình, vô ảnh, vô xú, vô thính, ở khắp cùng vũ trụ, gọi là Lý Thái Hư hay là Lý Nhứt Nguyên, mà Đức Lão Tử tạm gọi là Đạo; Nho Giáo gọi yếu tố ấy là Thiên; Phật Giáo gọi là Diệu Hữu, Đại Bản Thể, Đại Chơn Như, là Pháp; Đạo Bà La Môn gọi là Brahman.

Sau đó một thời gian không biết bao lâu, trong không gian, do quyền năng của Lý Nhứt nguyên, xuất hiện một chất hữu hình đầu tiên gọi là Khí Vô Cực. Sau khi Khí Vô Cực hiện ra rồi thì Lý Thái Hư ẩn trong chất ấy mà tạo thành Hư Vô Chi khí (Energy cosmique). Khí Hư Vô nói trên chứng vị Ngôi Vô Cực (Ngôi thứ nhứt của Thượng Đế không thị hiện là Lý Nhứt nguyên: Đức Phật Đại Nhựt Như Lai: (Vairocana)

Sau đó một thời gian không rõ là bao lâu trong Hư Vô Chi Khí, hiện ra khối Đại Linh Quang Chủ Thể, hay là Ngôi Thái Cực Thánh Hoàng, trọn lành, trọn tốt, toàn tri, toàn năng, tối linh, tối diệu (Ngôi Thứ hai của Đức Thượng Đế không thị hiện).

Sau khi hiện ra, ngôi Thái cực bèn phân định Âm Dương rút trong Hư Vô Chi Khí theo nguyên tắc: “Khí chi khinh thanh thượng phù giả dĩ Thiên, khí trọng trước hạ ngưng giả vi địa”. Thiên: Dương, Địa: Âm.

Sau đó một thời gian không biết là bao lâu, nhị Khí Âm Dương bèn tương hiệp lại mà tạo thành Ngôi Tứ Tượng hay là Ngôi Hoàng Cực (Ngôi thứ ba của Đức Thượng Đế không thị hiện).

Ngôi Hoàng Cực hiện ra rồi phân ra Bát Quái và từ đó hóa hóa sanh sanh mà tạo nên Càn Khôn Vũ Trụ, muôn loài vạn vật . .

Vậy thể chất của Càn Khôn Vũ Trụ và muôn loài vạn vật là do Điều Trì Kim Mẫu chi chất (Hư Vô Chi Khí mà sinh ra), bởi thế mới có câu “Hữu danh Vạn vật chi Mẫu”.

Phần tối diệu bao trùm và chi phối sự sống, sự tiến hóa của Càn khôn Vũ Trụ và muôn loài vạn vật là Lý Thái Hư hay Lý Nhứt Nguyên, là Thượng Đế không thị hiện.

Trong con người, Thượng Đế thường ngự dưới hình thức một điểm Linh Quang gọi là Linh Hồn (Esprit), là Chơn Như Bản Tánh hay Phật Tánh.

Về cái Lý Thái Hư trong con người này, sách Trung Dung có câu: “Phong chi tắc vi lục hợp (hiệp); yên chi tắc thối tang ư mật” (Cái ấy phát ra thì đi đến lục cực: bốn phương và trên dưới (Có lẽ là Glандe linéable trong bộ não con người).

Bởi thế chữ Tâm ở đây là ám chỉ linh hồn, thường thông công với Lý Thái Hư trong Vũ Trụ và không ở nơi nào nhứt định giống như Lý Thái Hư trong Vũ Trụ.

Bởi thế Kinh nhà Phật có câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” là vậy.
Thế nên chúng ta đừng tưởng lầm Tâm là trái tim huyết nhục trong con người (Le coeur); mà chữ Tâm đây có nghĩa là Thiên Tâm, Chơn Tâm, Đạo Tâm, Linh Hồn, Atman . .

7)-Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài dạy về “Luân Hồi chuyển kiếp” (ĐTCG, trg. 194).

Trường Thiên:

.....,
Hồn phải chịu luân hồi học hỏi,
Học cho thông các cõi mới thành.
Học cho rõ cuộc tử sanh,
Rõ đường tấn thối dữ lành giác mê.
Hồn thanh bạch lo về Đạo đức,
Tu luyện hầu hiệp nhứt cảnh không.
Cầu truyền làm phép thần thông,
Lập tâm thanh tịnh dụng công đêm ngày.
Đọc thấu chỗ, Bản lai diện mục,
Rửa sạch lòng phàm tục bợn nhơ.
Trầm tư mặc tưởng huyền cơ,
Thóat thân khai hóa, một giờ đắc minh.

8)-Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài luận về “Luật Nhơn Quả”.

Luận về Luật Nhơn Quả:

Nợ duyên quả lấp vùi tánh đức,
Biết ngày nào gỡ dứt tiền khiên.
Trả vay, vay trả liền liền,
Nhân nào quả nấy nghiệp duyên buộc mình.
Bóng cong vạy tại hình cong vạy,
Tội phước đi qua lại không chừng.
Xác phàm sung sướng vui mừng,
Linh hồn phải chịu băng khuâng não phiền.
Gieo giống chi mọc liền giống nấy,
Cảm vật gì vật ấy ứng cho.

Coi như trong cái xe bò,
Bánh xe lăn trễ kịp giờ bước chươn.
Bò dừng lại, bánh ngưng, dừng lại,
Chậm hay mau là tại nơi bò.
Bánh xe nó chạy theo giò,
Chạy, không cũng tại con bò gây ra.
Xét lỗi người, lỗi ta ai xét?
Sương nhà người, người quét được thôi.
Muốn mau thoát khỏi luân hồi,
Phải lo gắng chí vun bồi quả công.

9)-Thi văn của Đức Thượng Đế Cao Đài luận về “Tham Thiên nhập định”.

Tham Thiên tâm lý huệ tâm khai,
Luyện Đạo vận hành tạo Thánh Thai.
Nhập định gom thần minh trực giác,
Thông công Thiên Địa phục Như Lai.

Con người đã có sẵn cái Thiên tánh (Linh hồn) đặc biệt của Trời ban phú từ lúc mới đi đầu thai, rồi xuống ở thế gian này lại cần phải mượn xác phàm làm kinh nghiệm mọi lẽ của cõi trần để cho lần lần trở thành uyên bác, hầu tấn hóa mãi trên con đường Đạo đức vậy. . . .

10)- Thi văn dạy Đạo:

a- Về Long Hoa Hội và Phong Thần Hội:

Về Hội Phong Thần:

Thi:

Tang thương đã biến cuộc hầu gần,
Bắc hải rồi sau lại hóa sân.
Thanh thế con người toan cải ác,
Tùng theo nhưn cách đặng phong thần.

Thi:

Phong Thần đừng tưởng chuyện mơ hồ,
Giữa biển ai từng gặp lão Tô.

Mượn thế đặng toan phương giác thế,
Cũng như nường bút của chàng Hồ.

Thi:

Đài vân quan võ để phong Thần,
Còn của Thầy đây để nhắc cân,
Muôn đức ngàn lành không sót một,
Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần.

Về Long Hoa Hội:

Thi:

Long Hoa đã trở trước sân rồng,
Thương kẻ sa lầy cuối gió đông.
Hạc gáy non Tiên, rồng giỡn sóng,
Nhứt câu thòan chịu gió cùng đông.

Thích Ca Như Lai

Nhứt câu: Chử Thất là bảy. Có câu:
Thất niên tất hữu phong vân cuộc,
Thiên Lý hưng vong độ khả trì.

Thi:

Đạo mầu con khá để vào Tâm,
Rán học cho mau kẻ khó tầm.
Cái hội Long Hoa gần xó cửa,
Nhọc nhằn một lúc khỏe muôn năm.

Thái Thượng Đạo Tổ

Thi:

Đại Hội Long Hoa đã cận rồi,
Thánh, Thần, Tiên, Phật sắp lia ngôi.
Tề an bá tánh qui hiền cổ,
Thiên mạng phụng hành chớ thả trôi.

Đại Thánh Tề Thiên

Thi:

Long Hoa gần đến các con ôi!,
Chậm bước e cho mất một hồi.
Đến thế bơ vơ Thầy khó gặp,
Mau mau hồi tỉnh trở về Ngôi

IV- KẾT LUẬN:

Nói tóm lại, như trên đã nói, tiêu ngữ Tam Giáo Quy Nguyên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ẩn chỉ ba mối Đạo lâu đời và lớn nhất ở Viễn Đông là Phật Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo. Nói cách khác Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là các vạc ba chân. Ba chân ấy là Phật Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo. Có đủ ba chân ấy thì cái vạc nói trên mới đứng vững. Bởi lẽ Nho giáo đặt nặng vấn đề “Nhập thế” mà đặt nhẹ vấn đề “Xuất thế” . Trái lại Phật Giáo và Lão giáo đặt nặng vấn đề Xuất Thế mà nhẹ vấn đề Nhập Thế. Một trong ba mà đứng lẻ loi một mình thì có chỗ chênh lệch trong việc độ rỗi như sanh. Có lẽ vì thế mà tư tưởng Tam Giáo Đồng Nguyên đã sớm xuất hiện ở Trung Hoa ngay từ thời Tam quốc (từ năm 220 -265 sau Tây Lịch) rồi bành trướng sang nước ta và phát triển mạnh nhất dưới hai triều Lý (Năm 1010-1225 sau Tây Lịch) và triều Trần (1225-1400 sau Tây lịch).

Nêu lên tiêu ngữ Tam Giáo Qui Nguyên, Đức Thượng Đế Cao Đài lại dùng động từ “Qui” thay thế cho động từ “Đồng” . Động từ Qui nói lên sự tổng hợp các nguyên tắc cơ bản của tam giáo về phương diện Hình nhi Hạ Học cũng như Hình Nhi Thượng Học. Chỉ có Đức Thượng Đế Cao Đài mới đề xướng lên và thực thi việc tổng hợp vĩ đại ấy là vì bất cứ Tôn giáo nào cũ hoặc mới thấy thấy đều do Ngài gián tiếp hoặc trực tiếp chủ trương theo sự tiết lộ sau đây của Ngài:

Đến tên Ngọc Đế mấy lần đổi thay,

Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài.

Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.

Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,

Bao lần Khổng Mạnh cũng già nầy đây . . .”

Vậy trong Đạo Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chơn Lý Đạo Phật được áp dụng dưới nhiều hình thức Hình Nhi Hạ cũng như Hình Nhi Thượng và hôm nay chư tín hữu chúng tôi thiết lễ mừng ngày Thánh Đản của Đức Thích Ca Mâu Ni là lý đương nhiên vậy.

Điều cần nên nói là trong tổ chức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có hai phần đặc biệt:

a- Phần cũ: là các điểm tương đồng với Nho, Thích, Đạo.

b- Phần mới là đặc sắc riêng biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ về hai phương diện Hình Nhi Hạ và Hình Nhi Thượng.

Nhà nghiên cứu định tâm quan sát sẽ thấy rõ:

**11)- Đền Cơ tại Tam Giáo Điện (Chùa Minh Tân, Bến Vân Đồn - Sài Gòn đêm
mùng 7 rạng mùng 8 tháng 4 Ất Tỵ (01 tháng 5 năm 1965):**

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, Bốn sư mừng chư môn đồ thiện nam
tín nữ.

Ngâm:

Lành thay Nam Thiệm Bộ Châu,
Đất linh gieo giống Đạo mầu tế nhưn.
Lòng thành khẩn nguyện khách trần,
Cơ huyền giáng bút ban ân mấy lời.

Diễn ca:

Điên đảo kham ta! Hồ thế sự,
Thương cho đời lành dữ không phân.
Vùi tánh linh giữa chốn phong trần,
Vị tăng hữu nhân duyên đặc pháp.
Chư Môn đồ ôi!

Hãy nhớ câu Tổ sư Nam Nhạc:

Nhứt thiết chư Pháp,
Giai từng Tâm sanh.
Tâm vô sở sanh,
Pháp vô sở trụ,
Nhược đạt Tâm địa,
Sở trụ vô ngại.

Tâm Pháp ấy thoát nơi vòng khổ ải,
Chứng Bồ đề Đạo quả kiến Như Lai.
Phật tánh đều có ở khách trần ai,
Không học kiếm linh đài hay Khứu lãnh.
Dục đắc Như Lai hạnh
Tu trì Đại Đạo chơn.
Không dây ai biết nghe đồn,
Vạn thù Qui Nhứt Thượng Ngươn trở về.

Hỡi chư Môn đồ! Hỡi chư chúng sanh!

Bốn sư lâm đàn chứng lễ cúng dường của chư Môn đồ cũng như toàn thể chúng sanh lễ
bái. Bốn sư ban ơn lành và khuyên chư Môn đồ nhớ lời này:

“Cây biết cội, nước biết nguồn”, như thế mới hành cái Đạo của Ta. “Tự giác, giác tha”, đem giống từ bi gieo trên Ngũ trược cho toàn thể chúng sanh khỏi cảnh nghiệp chướng luân hồi, như thế mới là Tu cái hạnh của Ta. Bằng chẳng được, muôn ngàn kiếp thế gian này không ai cải tạo, thì mong gì đắc quả Như Lai ?.

Ngâm:

Tây Phương đất Phật gây nên,

Tam Kỳ Phổ Độ xây nên âu ca.

Bổn sư ban ơn lành cho chư Môn đồ.

Thăng

CHƠN LÝ ĐẠO LÃO QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

CHƯƠNG - I

ĐỊNH NGHĨA ĐỀ TÀI

Chơn: Cũng được gọi là chân và có nghĩa là thật (thực), không giả dối, có thật, không hư ảo. Chân cũng có nghĩa là bản chất.

Lý: Có nghĩa là Lẽ.

1)- Chân lý đạo Tiên: Có nghĩa là: Phần căn bản hay là Bản chất có thực, không hư ảo của Đạo Tiên hay là Lão Giáo hoặc Đạo Giáo.

Đạo Tiên hay là Đại Đạo là Đạo dạy người theo một phép bí truyền riêng biệt. Pháp này chỉ được khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ, để ngày cùng, đương sự được “Phản Bổn Hoàn Nguyên” siêu phàm thoát tục chứng quả “Đại Giác Kim Tiên”, thoát vòng luân hồi, tiêu diêu nơi Bồng Lai lạc cảnh.

2)- Tam Kỳ Phổ Độ: Là tên gọi tắt của Tân Tôn Giáo do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đã dùng Thần Cơ Diệu Bút khai mở tại Miền Nam Việt Nam năm Bính Dần (1926) để dạy Đạo kỳ này cho phương Nam.

Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngay từ buổi đầu đã được kèm theo hai tiêu ngữ nữa là: “Tam Giáo Qui Nguyên và Ngũ Chi Phục Nhứt”.

- **Tam Giáo Qui Nguyên:** Có nghĩa là Ba mối Đạo lớn và lâu đời nhứt (trước kỷ nguyên Tây lịch) nay cùng nhìn nhận là cùng một nguồn gốc mà ra để tránh những sự

kỳ thi tranh chấp giữa nhau trong công cuộc hoàng dương Chánh pháp cứu độ quần sanh trong kỳ Hạ Ngươn mặt kiếp này.

Tiêu ngữ vừa nói trên ám chỉ rằng: Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có sự tổng hợp các tinh hoa của ba Tôn Giáo làm một hệ thống chặt chẽ, hợp lý.

- **Ngũ Chi Phục Nhứt:** Có nghĩa là: năm cấp bậc tu Tiên trong phạm vi Đại Đạo nay đều nhìn nhận rằng cùng bắt nguồn ở một gốc là Lý Nhứt Nguyên, Lý Thái Hư hay Đại Đạo (Thượng Đế không thị hiện hay là Đại Bản Thể của Vũ Trụ).

Ngũ Chi gồm có:

- a)- Phật Đạo (để chung qui vào cảnh Niết Bàn)
- b)- Tiên Đạo (để ngày cùng Phản Bổ Hoàn Nguyên)
- c)- Thánh Đạo (Đạo trị quốc của các vị Thánh Vương thời xưa).
- d)- Thần Đạo (Đạo làm tôi con trong nước)
- đ)- Nhơn Đạo (Đạo làm chồng vợ, làm cha mẹ, làm con cháu, làm anh em trong gia đình, làng xóm).

CHƯƠNG II

TIỂU SỬ VÀ CÔNG NGHIỆP CỦA ĐỨC LÃO TỬ

I- THÂN THỂ:

Đức Lão Tử sinh nhằm ngày rằm tháng hai vào năm 600 trước Tây lịch, nhằm năm thứ ba đời Vua Định Vương nhà Châu. Theo sử sách Tây phương thì Ngài sinh độ vào năm 604 trước Tây lịch. Sở dĩ có sự hàm hồ về năm sinh của Ngài là vì Ngài sống một cuộc đời ẩn dật, ít ai biết rõ tung tích. Nơi sinh ra là Huyện Khúc Nhơn thuộc nước Sở xưa kia (thuở trước là Huyện Khổ của nước Tần và nay thuộc tỉnh Hồ Nam bên Tàu).

Theo sử chép lại, họ của Ngài là Lý, tên thật là Nhĩ, tên chữ là Đàm (Đàm có nghĩa là lỗ tai lớn, có trái tai dài thông xuống).

Ngài cũng có tên khác là Bá Dương (Đàm là tên thụy), nghĩa là tên người đời tặng cho Ngài sau khi chết).

Thường người ta hay gọi Ngài là Lão Tử. Tại sao Ngài họ Lý mà lại gọi Ngài là Lão Tử?

Có ba giả thuyết khác nhau như sau:

Giả thuyết thứ nhất: trong quyển Thái Thượng Huỳnh Đình Kinh Chú có đoạn như sau: Mẹ của Ngài mang thai Ngài lâu đến 82 năm rồi sinh Ngài ra thì râu tóc đã bạc, hình tướng đã già. Ngài bèn chỉ cây lý mà nói rằng: “Đó là họ của ta !” và tự xưng là

Lão Tử. Lão là ông già ; Tử là con trẻ. Lão Tử có nghĩa là: “Con trẻ mới sanh ra đã già”.

Giải thuyết thứ hai: Theo truyện Cao Sĩ bên Tàu, chữ Lão có nghĩa là già, chữ Tử có nghĩa là Thầy. Vậy Lão Tử có nghĩa là “Ông Thầy Già”. Đời sau có tặng cho Ngài danh hiệu “Đạo Đức Thiên Tôn” và quyển Kinh do Ngài trước tác gọi là “Đạo Đức Kinh”.

Giải thuyết thứ ba: Theo quyển Triết học sử đại cương của Hồ Thích thì người đời Xuân Thu khi xưng tên thì thường trước đề tên chữ, rồi sau mới đề tên thiệt. Như vậy Đức Lão Tử có tên chữ là Lão và tên thiệt là Đàm, nên gọi Ngài là Lão Đàm.

Lại nữa, theo lối xưa, dưới cái tên chữ người ta hay thêm chữ Tử, chữ Phu v.v...

Thí dụ: Thầy Nhiễm Cầu, học trò của Đức Khổng Tử có tên chữ Hữu mà người thời ấy gọi là Hữu Tử.

Theo Hồ Thích, người xưa có hai họ là: Thị và Tánh.

Người thường dân lấy theo họ thiệt của mình nên gọi là Tánh. Thí dụ: Bá Tánh (trăm họ, ám chỉ nhân dân trong nước).

Người giàu sang lấy tên nước mình ở hoặc lấy chức quan là họ như: Đào Đường (họ Vua Nghiêu ở đất Đào Đường) họ Tư Mã (vị thủy tổ làm chức Tư Mã) v.v... Họ cũng gọi là Thị. Thí dụ Phục Hi Thị, Thần Nông Thị, Hồng Bàng Thị .v.v..

Theo sách sử để lại, Đức Lão Tử thuộc dòng quý tộc bên Tàu. Có chỗ cho rằng Ngài là cháu Vua Chuyên Húc (2513 trước Tây lịch). Vua Chuyên Húc lại là cháu ba đời của Vua Hiên Diên Huỳnh Đế (2.697 trước Tây lịch). Vì thế Tánh thường của Ngài là Lão mà Thị của Ngài là Lý.

Đức Khổng Tử có đến hỏi Lễ với Đức Lão Tử vào khoảng 518 hoặc 511 trước Tây lịch. Lúc ấy Đức Lão Tử đã già trên 50 tuổi và hiện đang làm quan Trụ Hạ Sử của Triều U Vương nhà Châu (Trụ hạ sử: chức quan giữ Tàng thất sử, nghĩa là gìn giữ các công văn của Triều đình nhà Châu).

Đức Khổng Tử lúc ấy độ 34 tuổi; khi tiễn chân Đức Khổng Tử ra cửa, Đức Lão Tử có nói như sau: “Người xưa tiễn nhau bằng vàng, nay ta không có vàng, ta tiễn người bằng lời nói. Ta nghe rằng: Kẻ buôn giỏi khéo giữ của quý hình như không có gì, người quân tử đức tánh dung mạo dường như kẻ ngu ! (Lương cô thâm tàng nhược hư, Quân tử hình đức dung mạo như ngu).

Khi về đến nhà, Đức Khổng Tử nói với các môn đệ rằng: “Chim, ta biết nó bay như thế nào, cá, ta biết nó lội làm sao, thú, ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có lưới bắt nó, cá lội, thì ta có dây câu nó, chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chờ như con

Rồng thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay như thế nào ? Nay ta thấy Lão Tử như con Rồng vậy”.

Khi U Vương thất chánh và Nhà Châu suy vi, thì Ngài cáo lão từ quan rồi đi về phương Tây. Đến ải Hàm Cốc, Ngài có ở tại đó 1 tháng để truyền Đạo cho quan coi giữ cửa ải là ông Doãn Hỉ.

Câu chuyện như sau:

Theo truyện Đông Du Bát Tiên thì một bữa kia Vua Nhà Châu thấy một vùng mây màu tía (màu nâu) bay từ Đông sang Tây ở trên Trời, nhà Vua bèn đòi quan coi Khâm Thiên Giám vào hỏi đó là điềm chi ? Quan coi Khâm Thiên Giám tâu rằng:”Đó là điềm Thánh Nhơn đi về phương Tây; một ngàn năm nữa sẽ trở lại Trung Quốc”.

Câu trả lời của Quan Khâm Thiên Giám làm cho nhiều học giả nghĩ rằng Đức Thích Ca Như Lai phải chăng là hậu thân của Đức Lão Tử? Vì lẽ trong tiểu sử của Đức Thích Ca có đoạn rằng: “Bà mẹ của Ngài nằm mơ thấy một vị Bồ Tát ở Cung Đâu Suất Đà cỡi con voi sáu ngà ở trên Trời bay xuống xoi hông bên mặt của bà mà vào và sau đó bà sanh ra Thái Tử Tất Đạt Ta (tức là Đức Thích Ca Như Lai sau này). Mà Đâu Suất Đà Cung lại là nơi thường ngự của Đức Thái Thượng Lão Quân (Đức Lão Tử).

Đức Phật ra đời tại Ấn độ, truyền Đạo được ngoài một ngàn năm. Đến đời vị Tổ thứ 28 là Đức Bồ Đề Đạt Ma hay là Đức Đạt Ma Sư Tổ. Vị này đem mối Đạo truyền sang Trung Quốc vào đời Lương Võ Đế và được tôn làm Tổ Sư thứ nhất của Phái Thiên Tông (Phái tu thấy Tánh) bên Trung Hoa. Vậy Đức Đạt Ma Tổ Sư phải chăng cũng là hậu thân của Đức Lão Tử ? Sự ước đoán ấy khiến người ta nghĩ đến ý tưởng Phật Lão Đồng Nguyên ?

Cũng ngày nói trên, quan lệnh giữ ải Hàm Cốc là Doãn Hỉ xem vừng mây màu tía bay qua, bèn đoán biết là điềm Thánh Nhơn qua ải, cho nên ông truyền lệnh cho quân lính quét dọn cửa ải sạch sẽ và dặn chúng, hễ thấy người dị tướng qua ải thì phải mau mau vào báo.

Đến trưa, quả có Đức Lão Tử cỡi độc giác thanh ngưu qua ải, theo sau có đệ tử là Từ Giáp. Thấy Lão Tử có dị tướng (lỗ tai lớn và dài, lỗ mũi lớn và như chẻ hai, răng thưa mà lồi, râu tóc đều bạc), quân canh lật đật vào báo. Ông Doãn Hỉ bèn sửa sang áo mũ, bồng thân ra cửa nghinh tiếp. Khi thấy Đức Lão Tử thì ông Doãn Hỉ phủ phục xuống đất mấy lần, gọi Đức Lão Tử là Thánh Nhơn và van xin Ngài ở lại truyền Đạo cho. Lúc đầu Đức Lão Tử không nhận mình Thánh Nhơn và nói rằng: “Người lầm rồi ! Ta đâu phải là Thánh Nhơn ! Nếu người muốn được học Đạo thì ở núi phía Tây trước mặt kia có vị Tiên Quỉ Cốc truyền Đạo, sao người không qua đó mà học?”.

Ông Doãn Hỉ van xin mãi với tất cả lòng tôn kính. Thấy thế, Ngài mới nhận ở lại Hàm Cốc một tháng và truyền Đạo cho ông ấy bằng cách viết ra quyển Đạo Đức Kinh 5.000 chữ đủ lời và dặn ông ấy theo đó mà tu sẽ thành chánh quả.

Trong thời gian ấy ông Doãn Hỉ có bạch với Đức Lão Tử, xin cho biết danh tánh của Ngài, Đức Lão Tử nói: “Ta sinh ra đã nhiều đời, tên họ không biết bao nhiêu mà kể” (Đoạn này sẽ được giải thích sau).

Sau khi thảo xong quyển Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử bèn từ giả ông Doãn Hỉ rồi cùng với đệ tử là Từ Giáp đi về phương Tây mất dạng.

Trong bài Kinh Xưng Tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân có đoạn ám chỉ việc ra Kinh Đạo Đức tại ải Hàm Cốc như sau:

“Nhị ngoạt thập ngũ,
Phân tánh giáng sanh.
Nhứt thân ức vạn,
Diệu huyền Thần biến.
Tử khí Đông lai,
Quảng truyền Đạo Đức”.

Thích Nôm:

Tháng hai ngày Rằm,
Chia Tánh sanh xuống trần.
Một mình mà hóa thành ức vạn kiếp,
Huyền diệu biến hóa như Thần.
Mây màu tím từ phía Đông bay đến,
Rộng truyền Kinh Đạo Đức.

II- ĐỨC TÁNH:

Đức Lão Tử ưa xem sử sách xưa mà Ngài được đọc nhiều bộ sách quý. Ngài thường thanh tịnh lo tu dưỡng tinh thần hơn là dự vào việc đời phồn hoa náo nhiệt mưu sinh lợi danh.

Đức Lão Tử nói rằng: “Loài người mà tranh nhau là bởi có nhiều lòng dục vọng. Nay tuyệt hẳn lòng dục vọng đi mà giữ theo lẽ tự nhiên thì thiên hạ tự họ được trị.”

III- CÔNG NGHIỆP:

Về đời tư của Đức Lão Tử, người ta chỉ biết rằng Ngài có ra làm quan Trụ Hạ Sử đời Châu U Vương chứ không biết chi khác hơn.

Khi đi ngang qua ải Hàm Cốc, Ngài có để lại cho ông Doãn Hỉ quyển Đạo Đức Kinh là một bộ Kinh căn bản của Đạo Giáo hay Lão Giáo, giải rõ nghĩa hai chữ Đạo và Đức.

Ngoài ra, Ngài còn để lại về **Hình Nhi Thượng Học** quyển Huỳnh Đình Kinh, là bộ Kinh sách cao nhất của Lão giáo, dạy sự tu luyện cho đến cảnh tuyệt đối hư vô.

Quyển Thanh Tịnh Kinh dạy về phép Tịnh Luyện Vô Vi.

Về Hình Nhi Hạ Học, Ngài có để lại quyển Kinh Cảm Ứng dạy về lẽ lành, dữ, trả, vay.

Theo quyển Thanh Tịnh Kinh, công nghiệp của Đức Thái Thượng Lão Quân chẳng phải chỉ ở một kiếp Ngài lâm phạm lấy tên là Lão Tử mà thôi đâu ! Ngài thiên biến vạn hóa, lâm phạm nhiều kiếp, kể không xiết.

Từ đời hỗn độn sơ khai cho tới bây giờ không có đời nào mà không có Ngài hạ thế.

Đời Thượng Tam Hoàng hiệu của Ngài là Vạn Pháp Thiên Tôn hay là Vạn Pháp Thiên Sư, Thần Ngọc hay Bàn Cổ.

Đời Trung Tam Hoàng hiệu của Ngài là Bàn Cổ Thần Vương.

Đời Hạ Tam Hoàng hiệu của Ngài là Uất Hoa Tử,

Đời Thần Nông hiệu của Ngài là Đại Thành Tử,

Đời Hiên Viên Huỳnh Đế hiệu của Ngài là Quảng Thành Tử.

Đời Châu Văn Vương hiệu của Ngài là Nhiếp Ấp Tử,

Đời Châu Võ Vương hiệu của Ngài là Dục Thành Tử,

Đời Châu Khương Vương hiệu của Ngài là Quách Thúc Tử.

Đời Châu Định Vương hiệu của Ngài là Lão Tử hay Lý Đàm,

Đời Hán Sở tranh hùng (Tây Hán) hiệu của Ngài là Huỳnh Thạch Công v..v...

IV- CÁCH LẬP GIÁO CỦA ĐỨC LÃO TỬ:

Sở dĩ Đức Lão Tử phải giáng trần nhiều kiếp là cốt để dìu dắt chúng sanh lần lần hướng về cứu cánh của Đạo. Ngài không có bày ra cái chi mới, trái lại, Ngài sưu tầm và sắp đặt lại cho có hệ thống những tư tưởng theo Kinh Dịch thuộc về các thời đại tối cổ của nước Tàu.

Thí dụ Giáo thuyết của Vua Hiên Viên Huỳnh Đế đã xuất hiện rất lâu đời trên nước Trung Hoa và rải rác ở khắp các sử sách. Tự trung, giáo thuyết ấy chính là giáo

thuyết của Phái Tu Tiên hay Đạo Giáo. Vì lẽ đó mà Đạo Giáo hay Tiên Giáo cũng được gọi là Đạo Huỳnh Lão (Huỳnh: Huỳnh Đế ; Lão: Lão Tử) và thầy của Vua Hiến Viên Huỳnh Đế là Đức Quảng Thành Tử, tiền thân của Đức Lão Tử.

V- SỰ TRUYỀN BÁ ĐẠO PHÁP:

Khi Đức Lão Tử còn tại thế thì Ngài chỉ truyền Đạo cho một số ít người đệ tử như ông Doãn Hỉ nói trên. Ông này sau khi đắc Đạo lấy hiệu Văn Thử Tiên sanh và có soạn một bộ Kinh gọi là Xung Hải Chơn Kinh.

Kế theo đó thì có ông Trang Tử, là một người rất thông minh và hùng biện. Ông này bình vực giáo thuyết của Đức Lão Tử và soạn ra quyển Nam Hoa Kinh.

Trong giai đoạn này Đạo Giáo vẫn còn ở trong thời kỳ triết lý và chỉ có hàng thượng lưu trí thức mới thưởng thức nổi.

Đến đời Đường, Vua Cao Tôn nhìn Đức Lão Tử là một trong các thỉ tổ của mình, vì Ngài cũng là họ Lý như nhà Vua, vì vậy mà nhà Vua truy phong cho Ngài chức Huyền Ngươn Huỳnh Đế.

Sau Vua Đường Huyền Tôn lập điện thờ Ngài ở trong cung. Từ đó mỗi Đạo của Ngài bắt đầu truyền bá trong nước.

Đến đời Đông Hán nhờ ông Trương Thiên Sư (Trương Đạo Lăng) Đạo Giáo mới bắt đầu truyền rộng ra dân gian.

Đến đời Tấn có ông Ngụy Bá Dương và ông Cát Hồng hiệu là Bảo Phát Tử, hai ông này cố gắng chỉnh đốn Đạo giáo lại để được có một học thuật hẳn hoi và đường hoàng, có tư cách một Tôn giáo. Kể từ ngày ấy thì Đạo Giáo được nhiều người theo.

Trong hàng liệt Thánh quần chơn đắc Đạo theo Lão Giáo và được dân chúng chiêm ngưỡng thờ phượng thì có:

1)- Đức Văn Đế (Đức Văn Vương Đế Quân) có giáng bút truyền bộ Kinh Âm Chất Vân.

2)- Đức Võ Đế (Đức Quan Thánh Đế Quân, Đức Quan Công hay Quan Vân Trường đời Tam Quốc) có giáng bút truyền ba bộ Kinh như: Giác Thế Chơn Kinh, Cửu Kiếp Vinh Mạng Kinh và Minh Thánh Kinh.

3)- Đức Phù Hựu Đế Quân (Đức Lữ Tổ hay Lữ Đồng Tân Đại Tiên trong Bát Tiên) có giáng bút truyền ra nhiều thứ như: Chỉ Huyền Thiên.

Các vị Đế Quân nói trên thường giáng bút trong các đàn Tiên khuyên độ nhơn dân tu hành, nhứt là Đức Lữ Tổ không có đàn cơ nào mà Ngài không giáng.

CHƯƠNG III

GIÁO LÝ CỦA ĐỨC LÃO TỬ

Để nhận thức rõ rệt giáo lý của Đức Lão Tử, tưởng cần biết qua quan niệm của Ngài về Vũ Trụ và Nhân Sinh.

I- VŨ TRỤ THEO ĐỨC LÃO TỬ:

Trong chương I của Đạo Đức Kinh, quyển Thượng của bộ Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có nói như sau:

“Đạo khả Đạo phi thường Đạo,
Danh khả danh phi thường danh.
Vô danh Thiên Địa chi thủ,
Hữu danh Vạn Vật chi mẫu” .

Thích Nôm:

Cái Đạo mà nói lên được chẳng phải là Đạo hằng còn (bất diệt).
Cái tên mà nói lên được chẳng phải là cái tên hằng còn (bất diệt).
Lúc không có tên là khởi thủ của Trời Đất,
Lúc có tên là Mẹ sanh của muôn vật.

Lại có bài thơ tóm tắt Vũ Trụ quan nói trên như sau:

Đạo tự Hư Vô sanh Nhứt Khí (Vô Cực)
Tiên tòng Nhứt Khí sản Âm Dương (Thái Cực).
Âm Dương tương hiệp thành Tam Thể (Hoàng Cực),
Tam Thể trùng sanh vạn vật trường.

Thích nôm:

Cái Đạo từ Hư Vô sanh Nhứt Khí (Vô Cực)
(Khí là Khí Vô Cực)
Từ cái Một Khí ấy mà sanh ra Âm Dương
(Ngôi Lưỡng Nghi tức là Ngôi Thái Cực)
Hai Khí Âm Dương hiệp hòa lại mà thành ra Ngôi Thứ ba (là Ngôi Tứ Tượng hay là Ngôi Hoàng Cực).
Ngôi Hoàng Cực lại sanh ra Bát Quái và từ đó sanh sanh hóa hóa mà tạo nên Trời Đất và muôn vật.

Ở đây, cái mà Đức Lão Tử tạm gọi là Đạo tức thị Lý Thái Hư hay Lý Nhứt Nguyên. Lý Nhứt Nguyên ấy vô hình, vô ảnh, vô xú, tựa hồ như không có mà tuyệt diệu, tuyệt huyền ở khắp cùng Vũ Trụ, là nguồn sống của muôn loài vạn vật. Lý Nhứt Nguyên tức

thị Thượng Đế không thị hiện, là Thiên của người Trung Hoa, là Trời của người Việt Nam, là Brahman của Đạo Bà La Môn, là Pháp Thân hay Chơn Như Bản Thể của Phật Giáo, là Thiên của Đạo Nho.

Bổn tánh của Lý Nhứt Nguyên hay là Đạo là: Hư Tĩnh.

Hư: Trống rỗng .Tĩnh: Lắng lặng, trang bằng.

II- NHƠN SINH QUAN THEO ĐỨC LÃO TỬ:

Theo Đức Lão Tử thì:

“Nhơn thân Tiểu Thiên Địa”

Nghĩa là: Thân thể con người là Trời, Đất thu nhỏ lại.

Nói một cách khác, trong Trời Đất có cái chi thì trong con người có cái nấy. Thí dụ: Trời Đất và vạn vật vô tri vô giác cũng như hữu tri hữu giác đều có Lý Nhứt Nguyên hay là Đạo ẩn tàng bên trong, thì trong thân thể con người cũng có Lý Nhứt Nguyên ẩn tàng chỉ huy sự sống con người gọi là Linh Hồn.

Trong Trời Đất có Tam Quang: Nhật, Nguyệt, Tinh thì trong con người có Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần. Trong Trời Đất có Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Ngũ Nguyên, Ngũ Khí, thì trong con người cũng có Ngũ Hành tượng trưng bằng Ngũ Tạng (Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận) và Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín).

Vậy thân thể con người được cấu tạo ra là do phụ tinh, mẫu huyết, nhưng nguồn cội của loài người là Lý Nhứt Nguyên, là Đạo, cũng được gọi là Kim Đơn.

Con người sanh ra với mục đích là tiến hóa không ngừng đến mức cuối cùng là Chân, Thiện, Mỹ, được Đạo Tiên gọi là Phẩm Bổn Hoàn Nguyên, được Đạo Phật gọi là Nhập Niết Bàn, được Đạo Nho gọi là “siêu phàm nhập Thánh”.

Muốn đạt đến trình độ siêu thoát ấy, con người phải vừa Tu Tánh và vừa Tu Mạng hay Tánh Mạng Song Tu. Trong hai phần, nếu thiếu một thì không được.

Về điểm này, Đức Lữ Tổ Đại Tiên (Đức Lữ Thuần Dương) có nói như sau:

Tu Tánh bất Tu Mạng tu hành đê nhứt bịnh.

Tu Mạng bất Tu Tánh anh linh nan nhập Thánh.

Phép Tánh Mạng Song Tu chỉ được thị hiện theo một khuôn khổ luật phép riêng gọi là phép Tu Đơn. Phép này chỉ được “khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ” mà thôi.

Mục đích của phép Tu Đơn này là thực hiện cho được hai chữ Hư -Tĩnh, là bổn Tánh của Lý Thái Hư hay Đại Đạo. Có như thế mới về hiệp với Lý Thái Hư được.

Có lời khuyên những vị tu Tiên như sau:

“Học Đạo cho mình, lẳng lẳng làm thính, đừng lo, đừng rán, chớ khá tổn tinh, giữ đặng tánh tình là thuốc trường sinh”.

Lại cũng có lời khuyên như sau:

“Tu theo Đạo Tiên phải thị hiện cho được: Lòng trống mà bụng đặc”. Nghĩa là người tu Tiên phải diệt tánh phàm, diệt điều sân hận, tâm địa lúc nào cũng vô phiền, vô ưu, vô dục; Tam độc: Tham, Sân, Si đều không: Ngày ngày phải lo tu dưỡng Khí tồn Thần, giữ gìn Tam Bửu cho đầy đủ. Ấy là làm cho bụng đặc.

Những điều kiện nói về Tánh Mạng Song Tu trên đây thuộc về phần Tu Thân. Trái với quan niệm thông thường về Đạo giáo mà người ta gán cho danh từ tiêu cực. Đức Lão Tử chủ trương “Tu Thân Xử Thế” làm một.

Phần này sẽ được trình bày trong mục tông chỉ của Đạo Lão.

III- TÔNG CHỈ CỦA ĐẠO LÃO.

“Cái Đạo Tu Thân Xử Thế” của Đức Thái Thượng vốn thiết là Nhứt Quán (thông suốt cả hai), chẳng phải chia riêng biệt hai việc đó, nếu chẳng giải thích rõ ràng, mà chỉ nói: Phép Tu Thân cũng là Phép trị Thế, thì phần Trị Thế lép đi, chỉ còn phần Tu Thân mà thôi.

Sách Đại Học mở đầu liền nói câu: “Minh minh tức đức ...” rồi thôi, mà không bàn rộng đến “Tân Dân” cũng là thuộc về cái học thiên chấp một bên. Thế thì đủ thấy cái Đạo của Thánh Nhơn là dạy luôn Thế và Dụng gồm cả bốn mặt, hai bên đều tiến đồng thời.

Số là cái Đạo của Thánh Nhơn chẳng ra ngoài một chữ Kính mà thôi. Con người nếu quả lấy chữ Kính mà tồn tâm ứng sự, thì việc trị thiên hạ có gì là khó đâu ?

Đức Khổng Tử nói: “Có thể lấy lễ mà lập quốc chăng? (Nếu dùng lễ nhượng thì có chi mà không làm được ?)”. Lấy lễ nhượng mà lập quốc là như thế nào? Thánh Hiền từ xưa chẳng phải là chỉ vụ tu thân mà không tiếp ứng với đời. Hãy xét qua Trời đất thì biết được việc Thánh Hiền làm.

Trời đất lấy khí “Nhứt Nguyên” mà tự vận động, tức là lấy khí Nhứt nguyên để nuôi dân. Trong đó cũng có: hàn thử, ôn lương (như bốn mùa) cùng là phong, vân, lôi, vũ. Tức là hành động của Trời là: thi, bố, sanh, hóa. Tuy biến chuyển vô cùng nhưng Trời chỉ thuận theo lẽ thường của khí cơ. Luận về Thánh Hiền thế là lấy kính mà giữ mình, tức là lấy kính mà đối với mọi người ở trong đó là phải có: ai, lạc, hỉ, nộ chẳng ?

Nói về lễ nhạc hành chánh, tức là Thánh Hiền thuận hành theo cách trị Đạo để định cái tình của nhơn vật, tuy phong thổ chẳng giống nhau, mà Thánh nhơn chỉ tận tánh của mình là được. Cho

nên nói: “Trời không thể chẳng có phong, vân, lôi, vũ; mà cũng không được nói: phong, vân, lôi, vũ tức là Trời”.

Thánh nhơn cũng không thể chẳng có: Ai, nộ, hỉ, lạc mà không được nói: Ai, nộ, hỉ, lạc. Ai, nộ, hỉ, lạc tức là Thánh nhơn.

Trời có Thiên thể, Thánh nhơn có Thánh tâm, thảy đều lấy kính đó làm chủ. Một khi Thánh nhơn lo việc thiên hạ biến hóa vạn đoan rồi ren, mà Thánh nhơn cũng không có một việc chi chẳng sắp xếp chánh đáng.

Ôi ! Đại Đạo bất minh ! (không sáng) lâu rồi ! Nếu luận Đạo đức mà chỉ nói “Hư tịnh vô vi” (trống lạng không làm) bàn về cách trị nước mà chỉ nói “công nghiệp bư bính” (sự nghiệp rực rỡ) thì đã phân Thiên đức và Vương Đạo ra làm hai đoạn. Điều này từ Tam Đại khó mà tìm người giải thích. Đức Thái Thượng nói: “Tu thân, trị thế, không phải chia làm hai việc, nghĩa là chấp cứng một việc tu kỷ mà thôi, nhưng cũng không thể hoàn toàn lo quản trị dân sự mà chẳng trước nhờ đến tu kỷ bên trong”.

Biết được cái tông chỉ đó để tu thân mà cũng là để trị nhơn, thì bên trong tự mình không có chi tổn, bên ngoài người khác không có chi tổn, tức là chỗ sách Trung Dung gọi “Thành kỷ là Nhân, Thành vật là Trí” (chữ vật ở đây có nghĩa là người, vật), là đức của tánh, là Đạo hiệp cả, là Đạo hiệp cả trong, ngoài. Bên trong (ở nhà tu thân) thì gọi là Thánh công. Bên ngoài (đi làm quan) thì gọi là Vương Đạo. Bởi thế mới gọi là Nội Thánh, Ngoại Vương.

Ai nói rằng Học Thuyết của Lão Tử tịch diệt, vô vi (Tịch: không có tiếng người, yên lặng; Diệt: dứt, tiêu mất, tắt mất; Tịch diệt: tiêu diệt hết thảy tư tưởng và nói phô. Tịch diệt cũng có nghĩa như Niết Bàn).

Vô Vi: không làm. Từ ngữ này có nghĩa là: Không làm những việc chỉ có ích lợi cho riêng mình mà không ích lợi cho kẻ khác hoặc cho muôn vật. Trời chỉ làm việc có ích lợi cho quần sinh mà thôi.

Đạo Vô Vi là Đạo của Trời. Ta hãy xem mấy câu thơ sau đây thì rõ:

Hai chữ Vô Vi mới Đạo Thầy,
Bốn mùa luân chuyển cứ vẫn xây,
Chim bay, cá lội, hoa đua nở,
Nào thấy thợ Trời có để tay?

Đức Khổng Tử có câu: “Thiên hà ngôn tai ! Tứ thời hành diên ! Vạn vật sanh diên ! Thiên hà ngôn tai ! (Trời có nói đâu ? Bốn mùa cứ vẫn xây không ngừng nghỉ, muôn vật cứ sanh sản không ngừng nghỉ ! Trời có nói đâu?)

Đức Lão Tử là người phương Nam nước Tàu (Tỉnh Hồ Nam). Nơi đây khí Trời đầm ấm, màu đất phì nhiêu, cỏ cây tốt tươi, như dân có một đời sống dễ dàng, đủ cơm ăn áo mặc. Nhờ vậy mà nơi đây mới phát sanh ra một khoa triết học cao siêu, ưa thích cái Đạo tự nhiên của Trời Đất.

Đó là điều kiện duy nhất mà miền Bắc nước Tàu (nơi phát tích Đạo Khổng là tỉnh Sơn Đông) không thể có được. Vì lẽ đó mà trong bộ Đạo Đức Kinh Lão Tử cũng có dạy đạo đức mà hai chữ đạo đức của Ngài dùng ở đây không đồng một nghĩa với hai chữ đạo đức trong Nho giáo, một giáo thuyết dành cho như dân miền Bắc mà đời sống rất khắt khe, cơ cực.

Đức Lão Tử sanh nhằm đời Chiến Quốc, các chư hầu đều chuyên việc tranh bá đồ vương, lòng ham muốn vô hạn và thiên hạ đại loạn, đồ thán, khổ sở đến cao độ. Theo Ngài, nếu lòng dục ấy mà không dẹp thì thiên hạ bao giờ được thái bình ? Nay muốn sửa chữa tình trạng hỗn loạn ấy thì không gì bằng trở về với cảnh hư tịnh ban sơ, hườn lại ở con người tánh hồn nhiên như trẻ nít vậy.

Vì lẽ đó mà Đạo của Ngài (Đức Lão Tử) lấy hai chữ “Thanh tịnh” làm chủ nghĩa. Thanh tịnh có nghĩa là: lặng lẽ trong sạch, không nhiễm bụi như (dục vọng, ham muốn). Bởi lẽ ấy mà Đạo của Ngài bị người thời ấy cho là Đạo tiêu cực, là Đạo yếm thế, trốn đời, chỉ ngồi không (không làm: vô vi) cho khỏe xác và sống lâu ! Ý nghĩ ấy thật là sai lầm vậy.

Kinh Thanh Tịnh mà Đức Lão Tử là tác giả có nói rằng: “Chơn thường ứng vật, chơn thường đắc Tánh. Thường ứng thường tịnh, thường thanh tịnh hỉ !”. Câu Kinh ấy được giải nghĩa như sau: Ngũ đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín); Ngũ ngươn (Ngũ Khí thuộc Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) được chơn thiệt gọi là “Chơn thường ứng vật mà có nghĩa là: ứng sự, tiếp vật, giao thiệp với đời”.

“Chơn thường đắc Tánh” có nghĩa: Chơn thường không theo dục vọng, mà trái lại, hoàn toàn thuận hiệp với Lý Tánh. Nói một cách khác, câu Kinh nói trên có nghĩa là: “Lấy Chơn thường mà giao thiệp với người, vật, bất câu là việc gì, vào cảnh nào, giữ chơn thường hoàn toàn hiệp với Lý Tánh, đừng cho xen vào mọi dục vọng, mỗi lần giao thiệp thì mỗi lần đều được Thanh Tịnh”.

Theo kinh Đạo Đức có câu: “Thượng đức vô vi nhi vô bất vi”, có nghĩa như sau: Bực thượng đức không làm cái chi hữu tâm có lợi riêng cho mình, mà trái lại, với tính cách

vô tâm, vô tư ý, vô ích kỷ, thì không việc gì mà không làm. Hai chữ vô vi ở đây có nghĩa là: tự nhiên, vô dục, chớ không phải là không làm gì hết.

Nói tóm lại, Đức Lão Tử dạy con người làm phận sự mình cho đúng theo lẽ phải, đúng theo Lý Tánh hay là Lương Tâm bên trong, chớ không xu hướng theo thần thức dục vọng bên ngoài mà phải đau khổ. Nhưng tiếc thay ! Người theo Lão giáo phần nhiều hễ đọc đến Đạo Đức Kinh, Thanh Tĩnh Kinh, mỗi câu đều có dạy lấy cái “không” (vô vi) làm gốc thì đều tưởng rằng: “Cứ thực hiện cái “không” mà chẳng làm gì hết. Làm như thế thì làm sao mà thành đại sự được? Vì lẽ ấy mà Lão giáo ngày càng sai lạc Chơn truyền.

IV- CÁC LOẠI KINH DO ĐỨC LÃO TỬ BAN CHO ĐỜI:

Các loại Kinh trên là: Đạo Đức Kinh, Huỳnh Đình Kinh, Thanh Tĩnh Kinh và Cảm Ứng Kinh.

A- Đạo Đức Kinh:

Quyển Kinh này gồm có hai quyển: Đạo Kinh hay quyển Thượng và Đức Kinh hay là Quyển Hạ.

a)- Đạo Kinh:

Quyển Kinh này gồm 37 Chương giải về chữ Đạo. Đạo là hình thức tính của Lý Nhứt Nguyên hay Lý Thái Hư Ấy là Thể (Noumène) của Lý Thái Hư (Receuilli on l'appelle Đạo) (Yên tịnh người ta gọi cái ấy là Đạo). Đạo Bà La Môn gọi là Brahman. Đạo Phật gọi là Pháp Thân.

Theo Đức Lão Tử, chữ Đạo có nghĩa là phép tắc của Vũ Trụ. Đạo là một ký hiệu của toàn thể Vũ Trụ. Đạo không có hình tích, vốn là Hư Tĩnh, (lặng lẽ, trống không) và Bản Thể ấy của vạn vật trong Vũ Trụ. Vì Bản Thể ấy hư tịnh nên cá nhân con người phải hết sức khép mình theo lẽ tự nhiên để phục qui về cảnh hư tịnh. Đó là nguyên tắc cốt yếu của Lão giáo vậy. Đến trình độ ấy rồi người ta mới đến thời kỳ “Phản Bồn Hoàn Nguyên”, đắc thành chánh quả.

b)- Đức Kinh:

Quyển này nối tiếp quyển trên và gồm 44 Chương.

Đức tức là Dụng (Phénomène) của Lý Thái Hư hay là Lý Nhứt Nguyên (Agissant on l'appelle Đức): Hoạt động người ta gọi cái ấy là Đức, tức là những hoạt động vô tâm, tự nhiên.

Theo Đức Lão Tử, chữ Đức ở đây cũng có một ý nghĩa tương tự như chữ Đức của Đạo Nho. Đức Lão Tử cho rằng: “Người đời xưa bất thức, bất tri cho nên vô vi (không vì mình, không ích kỷ, vô dục).

Nói một cách khác, người đời xưa không hay, không biết, cho nên không làm, không muốn cái chi chỉ có ích lợi cho mình mà thôi và nhiều khi hại đến kẻ khác. Tánh tình của người xưa hồn nhiên như trẻ nít vậy. Vì vậy họ có thể theo Đạo được. Sau rồi lần lần trí thức con người phát triển và con người bị vật dục mê hoặc mà Đại Đạo ở trong con người lần lần tiêu ma. Luân lý lại không xét tới gốc mà chỉ lo ngọn là khuyên người ta nói và làm theo nhơn, nghĩa, lễ, nhạc.

Chương 18 Quyển Đạo Đức Kinh nhan đề là: Tục bạc (phong tục hư hỏng suy đồi), có đoạn Kinh văn như sau:

Thái Thượng viết:

Đại Đạo phế, hữu Nhân, Nghĩa,

Tuệ trí xuất, hữu đại nguy.

Lục thân bất hoà, hữu hiếu tử.

Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần”.

nghĩa là: Đức Thái Thượng nói: “Đại Đạo bị phế bỏ, nên mới có nhân nghĩa. Trí tuệ phát ra, nên mới có đối giả lớn. Sáu thân không hòa thuận, nên mới có cha lành, con thảo. Nước nhà đen tối, loạn lạc nên mới có tôi trung thần.”

Nói tóm lại, theo Đức Lão Tử, ở cõi đời này cái tuyệt đối tốt, tuyệt đối lành làm gì có mà chỉ có những cái tương đối thôi, mà cái tương đối ấy lại đối chọi nhau. Thí dụ: Bên cạnh cái lành thì có cái dữ, bên cạnh cái tốt thì có cái xấu, bên cạnh cái dài thì có cái ngắn v.v... và trong cái cảnh cùng tốt thì có phản ứng lại. Cực loạn chí trị: Thời loạn mới có Thánh nhơn ra.

B- Huỳnh Đình Kinh.

Định nghĩa: Huỳnh là màu vàng, màu đất, ám chỉ trung ương mô, kỷ, thổ. Đình là cái sân trống ở trước nhà. Từ ngữ Huỳnh Đình có nghĩa là Trung Không ở trong thân con người từ rún sắp lên là phân nửa trên của con người, như trong thân cây của thực vật. Phần trên ấy là phần sinh cơ hướng thượng.

Từ rún sắp xuống là phân nửa dưới của con người, cũng như thân gốc rễ của thực vật và được gọi là sinh cơ hướng hạ. Cái tổng cơ sinh lý gồm hết cả hai động lực trên và dưới. Theo thực vật thì cái tổng cơ sinh lý ấy ở chỗ chia ranh giới thân cây và gốc rễ. Còn về thân con người thì nó ở tại rún.

Vậy Huỳnh Đình là quyển Kinh quý báu nhất của Tiên Giáo, dạy cách luyện Đạo mà nơi qui căn trong con người là chỗ trống không ở trong rún gọi là Huỳnh Đình.

Huỳnh Đình Kinh gồm hai quyển là: Huỳnh Đình nội cảnh và Huỳnh Đình ngoại cảnh.

C- Thanh Tịch Kinh

Đức Thái Thượng Đạo Tổ khi đã thành Đạo rồi, chứng ngôi Thanh Tịch trên Trời, ý muốn cho người đời tu Đạo đồng hưởng thanh tịch cho nên Ngài mới đặt ra quyển Kinh Thanh Tịch này diễn pháp trường sanh mà lưu truyền trong thiên hạ, để thức tỉnh nguyên nhân. Kinh này rất giản dị, rất diệu huyền.

Thật là một cái bè báu để độ người đời, lại cũng là một cái búa rìu để đoạn Bàn Môn (tà thuyết).

D- Cảm Ứng Kinh.

Đức Thái Thượng Lão Quân ban ra quyển Cảm Ứng Kinh là cốt để dạy về lẽ lành dữ, trả vay.

Đây xin trích lục hai đoạn (Đoạn Kinh và đoạn Minh Nghĩa đệ nhất):

Kinh:

Thái Thượng viết:

Họa phước vô môn duy nơn tư triệu.

Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình.

Minh Nghĩa đệ nhất:

Thi dĩ Thiên Địa hữu tư quá chi Thần,

Ý nơn sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nơn toán.

Toán giảm tắc bản, hao đa phùng ưu loạn.

Nơn giai ô chi,

Hình họa tùy chi,

Kiến khánh ty chí,

Toán tận tắc tử.

Hựu hữu Tam Thai Bắc Đẩu Thần Quân.

Tại nơn đầu thượng lục nơn tội ác,

Đoạt kỳ ký toán,

Hựu hữu Tam Thai thần tại nơn thân trung.

Mỗi đáo canh thân nhựt triếp thượng,

Nghê Thiên Tào, ngôn nơn tội quá,

Nguyệt hối chi nhựt, Táo Thần diệt nhiên,

Phàm hữu nơn hữu quá, đại tắc đoạt kỳ,

Tiêu tắc đoạt toán
Kỳ quá đại tiểu hữu số bá sự,
Dục cầu trường sanh đã, tiêu tu tị chi.

Diễn nghĩa Kinh:

Tiên Ông Thái Thượng dạy rằng:
Rủi may không cửa, núu phăng tại mình,
Đạo Trời thưởng phạt chí minh,
Dữ lành như bóng theo hình chẳng sai,
Thứ nhứt minh nghĩa tỏ bày:
Ai người tính ngộ lánh rày họa tai,
Thưởng răn Trời chẳng vị ai,
Sai Thần biên chép hôm mai chẳng lầm.
Cân theo tội lỗi khinh thâm,
Giảm phân phước lộc cũng năm ba phần,
Khó nghèo chờ đợi trước sân
Gặp nhiều ưu hoạn tìm lần đến thân.
Hễ là chẳng giữ nghĩa nhân,
Khiến người đều ghét họa gần chẳng sai.
Nếu theo việc dữ gây hoai,
Điều lành xa lánh họa tai khó rời.
Khuyên đời chớ gọi rằng chơi,
Lộc Trời đã hết, lưng vơi khó nài.
Dữ lành báo ứng chẳng sai,
Có Thần Bắc Đẩu Tam Thai trên đầu.
Hễ ai tính việc cơ cầu,
Biên cho đúng tội giảm thâu số người.
Luật Trời chớ khá dễ người !
Trong mình sẵn có ba người Thần Linh,
Ngay gian chép đủ sự tình,
Đến ngày Canh nhật Thiên Đình cáo tâu,
Lại còn Thần Táo trên đầu,
Ba mươi mỗi tháng đều tâu y lời,
Hễ ai tính việc lưng vơi,
Nhẹ thời giảm toán, nặng thời hai năm,

Thần Tiên giữ sổ chẳng lầm,
Tùy làm nặng nhẹ mỗi năm ghi vào.
Ở đời chớ tính thấp cao,
Muốn cho trường thọ chớ vào thị phi.

.....

V- ẢNH HƯỞNG CỦA LÃO GIÁO.

A- Tại Trung Hoa:

Tại Trung Hoa trên mấy ngàn năm như dân đều thực thi Khổng Giáo, nghĩa là chú ý về sự thực tế ở đời là Nhơn sinh quan. Nhưng nếu chỉ có thế thì khôn khổ rất là chật hẹp, không có gì là siêu việt. Vì lẽ đó mà Khổng Giáo cần được Lão Giáo bổ túc thêm về mặt Vũ Trụ quan. Khổng Giáo hiệp với Lão Giáo tạo nên cho nước Trung Hoa một nền học thuyết vẻ vang đầy đủ về mọi mặt và được lưu truyền từ đời Thượng Cổ đến bây giờ.

B- Tại Việt Nam:

Trong lúc Lão Giáo hay Đạo Giáo được thịnh hành ở Trung Hoa thì chính lúc ấy nước Việt Nam ta lại bị đặt dưới quyền cai trị của Hán tộc.

Cuối đời Nhà Hán (Đông Hán) nước Trung Hoa có loạn Vương Mãng, nhiều bậc sĩ phu và tu sĩ chạy sang nước ta lánh nạn. Trong số này có Sĩ Nhiếp, người đầu tiên đã chánh thức truyền bá Tứ Thư, Ngũ Kinh ở nước ta. Tiếp theo Đạo Khổng, Đạo Phật và Đạo Lão lần lượt đã du nhập vào nước ta.

Đến thời kỳ tự chủ, với các Triều chính thống như: Đinh, Tiền-Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn vv... ba Tôn Giáo nói trên đều được đối đãi ngang nhau, như là dưới hai Triều Lý, Trần. Ấy là ảnh hưởng của tư tưởng Tam Giáo Đồng Nguyên.

Đời nhà Lý, Vua Lý Thái Tôn rất trọng vọng các Đạo sĩ Trần

Tuệ Long và Trịnh Trí Không

Các vị này đều được giữ địa vị quan trọng trong Triều.

Dưới Triều Trần, Đạo Lão vẫn được Triều Đình liệt ngang hàng với Đạo Phật và Đạo Khổng nhưng không phát triển mạnh bằng hai mối Đạo này.

Năm 1302 có Đạo sĩ Hứa Tông Đạo, người Tàu, vượt biển sang nước ta bày ra mọi khoa nghi trai đàn của phép phú thủy.

Hiện nay ở nước ta, ngoài các chùa tu theo Đạo Minh Sư, Minh Đường hay Đại Đạo tức là Phái Tu Đơn theo Lão Giáo hay Đạo Giáo, thì có thuật phù thủy chuyên việc làm trò mê tín, khiến cho Lão Giáo bị giảm giá trị rất nhiều.

VI- MỐI LIÊN QUAN MẬT THIẾT GIỮA ĐẠO LÃO (hay Đạo Giáo) VỚI “TAM KỲ PHỔ ĐỘ”

I- “TAM KỲ PHỔ ĐỘ”: Là tên gọi tắt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải được viết là:

ĐẠI ĐẠO: TAM KỲ PHỔ ĐỘ

tức là ĐẠY ĐẠO (Đạo lớn, Đạo của Trời, Lý Nhứt Nguyên) xuất hiện lần thứ ba để độ rỗi quần linh, với hai Tiêu ngữ như sau:

1. Tiêu ngữ “Tam Giáo Qui Nguyên”: gồm ba mối Đạo lớn và lâu đời nhất ở Á Châu là : Nho, Thích, Đạo.

2. Tiêu ngữ “Ngũ Chi Phục Nhứt”: gồm năm trình độ tu hành trong Đại Đạo là:

- Phật Đạo
- Tiên Đạo
- Thánh Đạo
- Thần Đạo
- Nhơn Đạo

II- CÁC THÁNH GIÁO TIẾP ĐƯỢC TỪ BUỔI SƠ KHAI CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CHO ĐẾN NAY CHỨNG MINH MỐI LIÊN QUAN MẬT THIẾT NÓI TRÊN.

1. Đàn Cơ tại Vĩnh nguyên Tự (Cần Giuộc / đêm 4.4.1926):

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương:

Nhiên Đăng Cổ Phật *thị Ngã,*

Thái Thượng Nguơn Thử *thị Ngã,*

Thích Ca Mâu Ni *thị Ngã*

Kim viết CAO ĐÀI.

2. Đàn Cơ tại Chùa Giác Hải (Phú Lâm, Chợ Lớn / đêm 15 tháng 8 Bính Dần -1926):

Thích Ca Mâu Ni Phật viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chuyển Phật Giáo Nam Phương.

Chư Nhân ! Con nghe Thầy:

“Khi giảng trần Chí Tôn Phật Tổ (Thầy dạy) đặng có 5 môn đệ, chúng nó đều chối Thầy. Khi giảng trần lập Đạo Tiên, Thầy có một trò là Nguơn Thỉ. Khi giảng trần lập Đạo Thánh, Thầy đặng 12 môn đệ. Song đến khi bị bắt và hành hình thì chúng nó đều trốn hết, lại còn bán xác Thầy nữa...”.

Cước chú: Theo các Đạo gia, Ngôi Tam Thanh gồm có:

Thái Thanh: Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Ngọc Thanh: Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn.

Thượng Thanh: Đức Linh Bửu Thiên Tôn.

Ba Ngôi Tam Thanh đều do Đức Thái Thượng Lão Quân hóa thân ra cả. Bởi thế mới có câu: Lão Tử hóa Tam Thanh

Hoặc là:

Tam Thanh Ứng Hóa Thái Thượng Đạo Quân.

Đức Thái Thượng Đạo Quân là một phân thân của Ngôi Thái Cực.

Chúng ta hãy xem bài Kinh Xưng Tụng Công Đức của Ngài thì rõ. Trích câu đầu như sau:

Tiên Thiên Khí Hóa **Thái Thượng Đạo Quân,**

Thánh bất khả tri, công bất khả nghị,

Vô Vi cư Thái Cực chi tiền,

Hữu thỉ siêu quần chơn chi thượng,

Đạo cao nhất khí, diệu hóa **Tam Thanh.**

3. Đền Cơ tại Chiếu Minh Đền (Cần Thơ - năm 1931):

Đức Văn Xương Đế Quân giảng điển lời tựa quyển **Kinh Tam Nguơn Giác Thế** như sau:

“Hỗn độn sơ khai Càn Khôn dĩ định, Bàn Cổ kế truyền, là Chúa loài người, phân ra Tam Tài, dĩ khinh thanh chi khí mà làm Tiên, làm Thánh, trọng trước hạ ngưng vi địa, ở thế làm phàm”.

Qua đời Nhà Châu, Lão Tử lập ra Tam Giáo là: Nho, Thích, Đạo. Tuy chia ba nhánh mà hành Đạo do Tam Tài chớ kỳ trung một gốc, vạn sự tùng Nho dĩ xuất, nhưng để truyền sau, Đạo là tại thế gian.

Đại Đạo (Đạo Tiên, Lão Giáo hay Đạo Giáo).

Hỗn độn sơ khai Càn Khôn phối hiệp, nứt hoán Thiên Địa Nhơn tài chi khí, mới sanh loài người và sanh muôn vật, do nơi **Điều Trì Kim Mẫu** chi chất mà ra, còn người biết tu cũng trở lại làm Tiên, làm Thánh đặng.

Hiểu rằng:

Người thọ bầm Thiên Địa chi khí mà sanh ra, nếu muốn trở lại Tiên Thánh thì loài người phải cùng thông Thiên Địa, Âm Dương Tạo Hóa, chỉ có trong phải dùng như thân diên đảo, phản bổn chi pháp mà luyện đặng Dương Thần mới siêu phàm nhập Thánh. Muốn biết mấy phép ấy trước phải thuộc câu: “Khí chi khinh thanh, tượng phù dã vi Thiên, Khí trọng trước hạ ngưng dã vi Địa, mà tu Tâm luyện Tánh và giữ Tam Qui Ngũ Giới chi bổn”.

Đạo có dạy người từ đời Bàn Cổ.

VII- CHƠN LÝ ĐẠO TIÊN QUA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

I- VỀ HÌNH NHI HẠ HỌC:

Về phần này có mấy điểm như sau:

1. Trên Thiên Bàn có:

- a. Tượng hay Linh Vị Đức Lão Tử trên cấp Tam Giáo Thánh Nhơn.
- b. Tượng hay Linh Vị Đức Lý Đại Tiên, Đại Diện Đạo Tiên trên cấp bực Tam Trấn Oai Nghiêm.

2. Lễ phục:

Chư Chức sắc từ cấp bực Đầu Sư xuống đến Lễ Sanh thuộc Phái Thượng mặc áo và đội mũ màu xanh dương (xanh da Trời) tượng trưng cho Tình (là Bác Ái).

(Chư Chức Sắc từ cấp Chưởng Pháp đến Lễ Sanh thuộc phái Thái, tượng trưng Đạo Phật thì mặc áo màu vàng, chít khăn vàng và đắp y đắp khâu, đội mũ màu vàng. Màu vàng tượng trưng cho Ý).

3. Lễ phẩm: Hương, trầm, hoa, quả, rượu.

- Hoa tượng trưng chi **Tinh**.
- Rượu tượng trưng cho **Khí**.
- Trà tượng trưng cho **Thần**,

Tinh, Khí, Thần là Tam Bửu, điều hòa sự sống trong con người theo **Tiên gia**.

4. Ấn quyết chú: Chư Tín hữu khi đánh lễ trước Thiên Bàn thì bắt ấn Tý, là Ấn của Trời: khi lập Đàn Cơ thì có bài chú và Ấn quyết riêng để trấn Đàn. Trong nhiều trường

hợp để tẩy uế, khử trừc và khử tà, trừc quỷ thì vị Chức sắc trấn Đàn phải biết phép họa phù trên thanh thủy và làm phép sái thủy.

Tại mỗi Tòa Thánh, đối diện với Chánh điện tức Đại Hùng Bửu điện có bàn thờ Đức Hộ Pháp trên có chữ KHÍ viết lớn. Các nghi lễ Trấn Thần, Thượng Tượng, Giải oan, Tắm Thánh đều có Kinh và phù chú riêng.

5. Về Cổ Pháp: Tam Thanh thì có bình Bát Du (Thích), Phát Chủ (Đạo) và quyển Kinh Xuân Thu (Nho) được để trên nóc Tòa Thánh.

II- VỀ HÌNH NHI THƯỢNG HỌC.

Về phần này có mấy điểm sau đây được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Tam Kỳ Phổ Độ) công nhận thực hành.

1. Nhơn thân Tiểu Thiên Địa
2. Con người đứng vào hàng Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn
3. Thuyết Tánh Mạng Song Tu để được Phản Bối Hoàn Nguyên ngày cùng.
4. Nguyên tắc Tu Thân Xử Thế.
5. Lòng Bác Ái thương đều người, vật
6. Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan của Lão giáo
7. Bồng Lai Tiên cảnh
8. Thuyết Cảm Ứng của Đạo Lão (Nhân Quả của Đạo Thích)
9. Các kinh: Cảm Ứng Kinh, Đạo Đức Kinh, Thanh Tịnh Kinh, Huỳnh Đình Kinh.

III- CÁC THÁNH GIÁO GIẢI THÍCH MỘT ÍT ĐIỂM NÓI TRÊN.

Đàn Cơ tại Cao Thiên Đàn (Kiên Giang) ngày 22.9.1930.

Thi:

THÁI Thi gây nên cuộc Hóa Công,
THƯỢNG thương ly hận luyện đơn cung.
ĐẠO Tiên hiển hích điềm linh ứng,
TỔ THÁNH rọi truyền sự cảm thông.
Chứng kiến quang minh cần phổ độ,
Đàn tràng giảng giải ý chơn tông.
THỂ gương bửu kính cho đời hiểu,
LIÊN(G) dẫn hương hê nguyệt dẫn phong.
TIÊN giác thế tâm khai hậu giác.

NỮ ban tùng thử ngộ chơn tông.
Lão Quân Đạo Tổ, Cung Đâu giáo truyền.
Đạo nguyên Tiên, Hậu nhị Thiên,
Làm đầu vạn Thánh quần Tiên trên Trời.

Giải thuyết Đạo Lão:

1. Kiền Khôn thế giới một bầu,
Lão Quân Đạo Tổ, Cung Đâu giáo truyền.
Đạo nguyên Tiên, Hậu nhị Thiên,
Làm đầu vạn Thánh quần Tiên trên Trời.

2. Kể từ khai tịch dĩ lai,
Giáng sanh hóa Đạo chẳng nài công phu.
Hư không dưỡng thể bóng thu,
Bí truyền Tánh Mạng Song Tu huyền hoàng.

3. Người tu định nhiếp Âm Dương,
Hình thân bảo dưỡng, bảo toàn tính minh.
Tuy vân: Tích khí thành hình,
Âm Dương nhị khí, khinh thanh thượng phù.

4. Trọng trước ngưng hóa địa cầu,
Bắc Nam Thiên trực, Thiên xu chẳng dừng.
Ngày, đêm, nhật, nguyệt, tinh, thần,
Sanh nhơn, sanh vật, lần lần mở mang.

5. Gọi là một cõi thế gian,
Ngoài đây còn có ba ngàn minh mông.
Đạo thông Thiên Địa vô cùng,
Diệu huyền yếu chí Hóa Công dạy đời.

6. Chính xem ý vị của Trời,
Lặng trang, êm phẳng, không hơi, không rằng,
Chơn không thủy hỏa đôi vừng,
Chuyển luân nhật nguyệt, lưu tuần ngày đêm.

7. Hằng sa tinh tú thuộc **Kim**,
Như châu, như ngọc để ghim nửa lưng,
Gió Đông thay đổi Hồng Quân,
Ấy là **Chơn Mộc** choán phần không trung.

8. Chuyển găm sấm sét đùng đùng,
Ấy là **Chơn Thổ** vẫy vùng Thiên oai.
Ngũ Hành ấy thuộc phần Trời,
Còn phần dưới đất thì người đều thông.

9. Con người sanh ở giữa vòng,
Đủ Trời, đủ đất ở trong thân mình.
Ngũ Hành còn phải chia rành,
Âm Dương Thiên Địa hình danh thế nào?

10. Y gia đã có công cao,
Chia hai tạng phủ, trở vào Âm Dương.
Dùng công Tạo Hóa đặng lường,
Những đồ vật chất thuộc nguồn Chơn Âm.

11. Hiên (*Hiên Viên Huỳnh Đế*) Kỳ (*Kỳ Bá tổ thầy thuốc*) mỗi Đạo cao thâm,
Người chưa hiểu thấu nên lầm, nên sai.
Ngũ Hành phải biết có hai,
Có hình thuộc đất, ở Trời thì không.

12. Nơn thân là Tiểu Kiền Khôn,
Khinh thanh, trọng trước, hiệp thành hóa sanh.
Tạng phủ là Âm Ngũ Hành,
Còn Dương Ngũ Khí, lưu hành châu thân.

13. Học Đạo càng phải biện phân,
Giữ gìn bất đồ (thấy), bất văn mới mầu.

Phong vân Âm phải rán râu,
Thâu Tâm, định Tánh, đặng cầu Thiên Chơn.

14. Tai nghe hóa giận, hóa thương,
Ấy là Thiên thủy dẫn đường nơi trong.
Bất mùi hoặc thích, hoặc không,
Thiên Kim nơi mũi, hơi lồng thấu tim.

15. Miếng ngon hoặc nhớ hoặc thèm,
Lưỡi là **Thiên Hỏa** chíp đem vào lòng.
Sắc nào ưa đẹp, muốn trông,
Ấy là **Thiên Mộc**, tại trong con người.

16. Vật dục che lấp **Lòng Trời**,
Ấy là **Thiên Thổ**, ý người ham mê.
Nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt răn dè,
Đều quan **Tâm ý**, thiệt là chơn tu.

17. **Ngũ Hành**, Thiên Địa mù mù,
Mà mình sẵn đủ, lựa cầu đâu xa?
Âm Dương nhị khí của ta,
Dục, trong phân biệt điều hòa **Chơn Như**.

18. Gìn lòng thanh tịnh không hư,
Lòng đừng xao dợn, đặng trừ bợn nhơ.
Lòng đừng vọng tưởng ước mơ,
Ý tua định tóm, chơn cơ hoàn toàn.

19. Hãy xem Võ Trụ dinh hoàn,
Đều đồ hư mục, chớ màng, chớ mê!
Tục rằng: sống gửi, thác về,
Thần Tiên bất lão, có hề chi đâu?

20. Đẹp xong ngũ tặc làm đầu,

Quan tâm, quan vật, rồi sau tập tành.
Tam quang rọi thấu nguơn Thân,
Tam thân hiệp nhứt Chơn nhưn công thành.

21. Ấy là đến bậc trường sanh,
Còn muốn thân hình bạch nhứt siêu thăng (*trường hợp Vua Huỳnh Đế*)
Phải lo bồi đắp bốn căn,
Thiên kim diệu lý sẽ phân có ngày.

22. Nhứt tâm tín ngưỡng tới Thầy,
Lời rằng: “Tao đố không Thầy mày nên!”
Các em sốt sắng cho bền,
Muốn cho nhà cửa vách phen vững vàng.

23. Phải lo nền đắp cho an,
Có Kinh Cảm Ứng chỉ đàng tu thân.
Mới đây, “Thiệp quyết tu chơn”
Của Thầy ban bố công ơn vô ngần.

24. Có phước nên mới có phần,
Có đâu nghe được lời trân trọng này.
Huỳnh Đình tu luyện đêm ngày,
Tu tâm dưỡng tánh, sánh tày Hóa Công.

25. Kiếp đời cá chậu chim lồng,
Trăm điều giả dối có thung dung gì?
Trời kia mà giả mới kỳ!
Kìa mây, khi nổi, khi bay mấy hồi?

26. Đất sao chỗ lở, chỗ bồi?
Cũng là giả cuộc, có đời chi đâu?
Người đời lúc mạnh, lúc đau,
Hoặc còn, hoặc chết, chiêm bao làm tuồng.

27. Vì chưng Ngũ tặc loạn chơn,

Tâm thần chẳng tịnh, nên vương lưôi trần,
Âm Dương, đạo đức sáng trưng,
Dùng gương vô kiệt, luyện thành hư vô.

28. Phải phân Tà Chánh lưỡng đồ,
Bàng môn tả Đạo, ai khờ phải mang.
Nghĩ coi! cũng một con đàng.
Nó chia Nam, Bắc, rộn ràng, lằng xằng.

29. Điều Ly, bỏ Khảm tướng bưng,
Thieu đơn, luyện hống, nhớ nhăng mơ hồ.
Đường ngay em cứ bước vô,
Lâu ngày Tà giáo làm trò gì nên!

30. Rán nghe lời chị dạy khuyên,
Có ngày cũng được bạn Tiên cung Trời.
Pháp ngôn sơ dẫn ít lời,
Huyền gia bửu pháp, nhiều lời dạy sau.

THỂ LIÊN TIÊN NỮ

2. Đoàn Cơ lập tại Trước Tiết Tàng Thơ đêm 28 tháng 9 Bính Tý (1936).

Đại Thừa Chơn Giáo trang 392).

DƯỠNG SANH TÁNH MẠNG.
CAO đại hư vô quán nhất trung.
ĐÀI liên cứu phẩm hóa thiên trùng.
BỒ đề tâm niệm minh Minh Đức,
TÁT Đạo thâm vi dụng đại hùng.

Thầy, các con. Thầy mừng các con.

Thi:

DƯỠNG dục muôn loài trở lớn khôn,
SANH linh giác ngộ bảo chơn hồn.
TÁNH cùng Thiên Lý thông cơ Đạo,
MẠNG lịnh Thầy truyền diệu pháp môn.

Đây Thầy giải qua “Dưỡng sinh Tánh Mạng”:

.....
Đây Thầy chỉ sơ sự “**Nuôi Thần Hồn**” cho các con rõ:

Phật Giáo chú trọng về “**Hư Vô Tịch Diệt**” để nuôi lấy Tâm thần, nên dùng phép **Thiền Tọa** mà gìn lòng không cho xao động.

Tiên Giáo thì thích sự “**Thanh Tịnh Vô Vi**” để tự nhiên tùng Thiên Lý, cứ mãi gom Thần, định Trí cho đến chỗ yếu yếu minh minh, quyết không để cái tâm lưu luyến hồng trần mà trợ lực cho thất tình, lục dục dấy lên làm quấy.

Còn Nho Giáo lại là **Tôn Tâm Dưỡng Tánh**, chỉ Tịnh tọa mà bảo dưỡng cho cái Tâm lạc thiện, háo đức, cái Tánh tiết độ cao siêu.

Ấy vậy nay các con nếu muốn dưỡng trau phần hồn cho thanh khiết thì cốt nhứt là đừng để Tâm Thần lay động, phóng túng ra ngoài, mà cần phải giữ sao cho sự tự nhiên yên tịnh luôn luôn mới được.

Vả trong thân thể con người thì có chi báu trọng cao quý, yếu cần bằng cái **Lương Tâm**, nếu Lương Tâm ấy vì không còn nữa, vì đã tán tận đi rồi thì con người còn chi báu nữa đâu? Mà con người dưỡng ấy tất có khác gì kiến, bọ, đế, trùng! Sống như chết có cũng bằng không. Hỡi ôi là khổ!

Vậy nay Thầy đã truyền giáo cho các con. Các con phải ghi nhớ lời Thầy dạy, rón lo dưỡng Tánh, tu Tâm lấm lấm mới nên.

Hễ muốn cho linh hồn trong sạch, nhẹ nhàng, thì các con hằng ngày phải cần tập cho Tánh thiệt “**Không, Không**”, đừng ghen ghét, giận hờn, buồn lo, sợ sệt điều chi hết ráo, để nuôi lấy cho tư tưởng thanh cao, phải ép kềm cái ý muốn của mình, chớ để nó chấn động dấy bùng mà làm điều sai quấy.

Lại trong thân thể con người cũng phải biết chia ra phần nào lớn, phần nào nhỏ, đừng nuôi lớn bỏ nhỏ, cho lớn khởi mất quyền, mà nhỏ khởi lấn thế, chớ nếu thờ ơ lại để cho phần nhỏ lấy lừng, ép đè **phần lớn ấy là Lương Tâm, còn phần nhỏ ấy là Tai với Mắt.**

Lương Tâm, Đạo Giáo gọi là Thiên Lương Bản Tánh, ấy chính là Thần Minh của Trời Đất đã phú ban cho; **còn Tai với Mắt lại là Mối Giặc của Lương Tâm** mới khổ!

Vậy các con, nếu để cho Tai, Mắt nó điều động cái tấm lòng dục vọng mà chôn lấp Lương Tâm rồi dẫn chân xuống dưới năm hòn **Ngũ trước (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng gọi là Ngũ Uẩn)** thì ôi thôi! Há có dễ gì đào bởi xốc gỡ nó lên mà đem cái Lương Tâm ra khỏi cho được đâu?

Bởi vậy làm người là cần **phải chủ lấy cái Tâm cho lắm**, đừng vọng niệm, chớ Tà Tâm, chẳng ghét ganh, không thù hận, cứ miễn sao cho Tâm Chí mãi được yên vui là quý nhất, không vì miếng ngon, của quý mà hại lấy phần hồn. Tham chi sắc đẹp, mùi thơm mà lấp chôn linh Tánh?

Lại tu cũng cần phải cử kiêng vật thực hằng ngày cho chính mới nên. Đã biết ăn cho ngon miệng mới nuôi được thân phàm, song nuôi thân cho béo mà hại đến Linh Hồn thì sao?

Bởi vậy như loài ngũ uẩn là loài ăn vô cơ thể làm cho yếu ớt Linh Hồn thì lẽ nào không cử?

Còn bốn vách của đời là: **Sắc, Tài, Tửu, Khí** mà người tu nếu hễ mang vào thì thôi! có mong chi siêu rỗi nữa?

Sắc hễ gần rồi thì **Thần Hồn** mê muội,

Tài hễ máng đến thì **Tâm Chí** lo ra.

Tửu hễ say mê thì **Kim Đơn** hư hỏng,

Khí hễ còn vương thì **Xá Lợi** tiêu tan!

Mà cái độc nhất là Giận, vì các con dầu công phu đến mấy chục năm, song các con nếu để cho lửa giận một phen bùng cháy thì cũng đủ thiêu đốt Kim Đơn phải rã tan ra nước hết trơn.

Thậm chí những vật tầm thường như thuốc, trầu mà không bỏ, tất cũng có hại cho Kim Đơn nữa đó! Thế nên, các con khá rõ mà dè dặt tiểu tâm vậy!...

VIII- KẾT LUẬN

Nói tóm lại, Lão giáo hay Đạo giáo chủ trương đem loài người trở lại với đời sống chất phác, tự nhiên của thời xưa, nghĩa là tuyệt nhiên không có sự tranh giành cấu xé vì quyền lợi, vì nơi ăn chốn ở. Nhưng lối sống ấy lại bị người đời nay gán cho cái tên là: đời sống tiêu cực, thoái hóa, ích kỷ!.

Tình trạng của xã hội trên hoàn vũ ngày hôm nay khiến ta không thể không nhắc lại đây lời phê bình về Đạo giáo hay Lão giáo của nhà văn Phan Kế Bính như sau:

“Người ta có biết được cái thân là nguồn khổ sở, cái tri thức là gốc phiền lụy thì mới biết được cái tông chỉ ấy (Đạo giáo) là cao. Lại phải xét cho thấu việc đời, hiểu rõ hết tánh người, đem một tấm lòng lạt lẽo, hư không mà giao thiệp với đời, không có một sợi tơ, sợi tóc nào vướng víu đến trước mắt, thì mới biết được Đạo ấy có một cái ung dung, nhàn nhã, sung sướng, khoan khoái!”

Lão Giáo hay Đạo Giáo là một trong ba thành phần căn bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Vậy cần phải rõ vai tuồng của Đạo ấy trong nền Đạo mới tại Việt Nam hiện nay. Như trên đã nói, Lão Giáo hay Đạo Giáo cũng được gọi là Đạo Huỳnh Lão hay tóm tắt là Huỳnh Đạo (Đạo Vàng).

Trước Đền Thánh Tây Ninh, trên lầu dành cho Hiệp Thiên Đài có hai câu liễn như sau:

HIỆP nhập **CAO ĐÀI** bá tánh thập phương qui Chánh Giáo,
THIÊN khai **HUỲNH ĐẠO** Ngũ Chi Tam Giáo Hội Long Hoa.

Lại nữa có câu ám chỉ **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ** như sau:

Tam Thiết Long Hoa Thiên khai **HUỲNH ĐẠO** (*hay là Dân hội*)

Vậy Đại Đạo mà Trời khai kỳ thứ Ba này chính là **Đạo Huỳnh Lão, là Đạo Giáo**, gọi tắt là **HUỲNH ĐẠO** vậy.

Ngày 27 tháng 6 năm Canh Tuất (29.7.1970)

Huệ Lương Trần Văn Quế